

Chi họ Nguyễn Công xã Minh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội biên soạn

GIA PHẢ

HỌ

NGUYỄN CÔNG

Người biên soạn: Nguyễn Công Chi – Cháu đời thứ 5 cụ Nguyễn Công Tuy

Nguyễn Công Quyền – Cháu đời thứ 6 cụ Nguyễn Công Tuy

Viết xong vào mùa xuân năm Quý Mùi (2003) tại Hà Nội

In ấn do anh Nguyễn Công Cường, cháu đời thứ 6 cụ Nguyễn Công Tuy phụ trách

LỜI MỞ ĐẦU

Người ta ai cũng có cội nguồn sinh thành, cội nguồn đó gần là trong một gia đình, xa hơn là một dòng họ. Một dòng họ muốn duy trì được mối quan hệ với nhau qua nhiều đời thì phải có gia phả. Nhờ có ghi chép tốt gia phả mà họ Nguyễn Công ta đã trải qua trên 12 đời rồi vẫn giữ được quan hệ họ hàng với nhau, mặc dầu ở cách xa nhau hàng nghìn dặm và bị chiến tranh chia cắt.

Người xưa có câu “ một giọt máu đào hơn ao nước lã”. Quả đúng là như vậy, dù đã trải qua nhiều đời nhưng những người họ Nguyễn Công chúng ta gặp nhau vẫn có cảm giác như người trong một nhà, không bị giàu nghèo, sang hèn làm ngăn cách. Tôn ty trật tự của dòng họ vẫn được coi trọng như người trong một gia đình. Thật là cảm động và quý hóa biết bao!

Nhằm phát huy truyền thống tốt đẹp của dòng họ; nhận thấy việc viết tiếp gia phả là cần thiết, nhất là đối với dòng họ Nguyễn Công ở phía Bắc, nếu tính từ cụ Công Tiếp đến nay cũng đã được 7 đời, con cháu đã khá đông mà chưa có cuốn gia phả nào chính thức nên càng phải làm ngay.

Anh Nguyễn Công Quyến là cháu trưởng dòng Tộc họ Nguyễn Công phía Bắc, người đã có nhiều lần vào thăm bà con và tìm hiểu về gia phả, mộ phần tổ tiên ở phía Nam, đã cùng tôi sưu tầm và viết tiếp gia phả dòng họ ở phía Bắc. Hai chú cháu tôi đã hoàn thành công việc vào mùa xuân năm Quý Mùi (2003) tại Hà Nội.

Quyển gia phả này được in ra gửi cho tất cả các gia đình họ Nguyễn Công ở phía Bắc và gửi tặng một số nơi thuộc nhà thờ các chi họ Nguyễn Công ở phía Nam./.

Cháu đời thứ 5 của cụ Nguyễn Công Tuy
Nguyễn Công Chi kính bút.

Phần I

*Anh Quyển viết theo gia phả họ Nguyễn Công do
ngành trưởng phía Nam viết.*

Theo gia phả gốc “Thạch Trụ Nguyễn Công thị gia phở”, họ Nguyễn Công của chúng ta nguồn gốc từ Cụ Thủy Tổ Nguyễn Tấn Tài ở Nghệ An, vào làm ăn ở Quảng Ngãi (xưa là Phủ Quảng Ngãi, Xứ Quảng Nam) từ thời Trịnh, Nguyễn phân tranh, đến thế hệ tôi (Nguyễn Công Quyển) là 12 đời.

Mộ cụ Thủy tổ táng ở Bàu Sen- Thị trấn chợ Chùa- Huyện Nghĩa Hành -Tỉnh Quảng Ngãi, vẫn còn tồn tại và đã được ông bà Nguyễn Công Lương (đời thứ 12) lo xây cất, tôn tạo vào giữa năm 1998 cùng hai ngôi mộ song táng của đời thứ 4 là cụ Nguyễn Văn Hưng và Võ Thị Khoa ở Bàu Cá, thị trấn Chợ Chùa. Các ngôi mộ ở đây vẫn có người trông nom từ xa xưa đến nay, hiện giờ là ông A Trọng ở đội 10, Hợp tác xã Bình Phú, thị trấn Chợ Chùa, là người kế tục từ nhiều đời trước đây vẫn trông nom mộ các cụ đến nay.

Từ cụ thủy tổ đến các đời sau làm ăn sinh sống ở Xuân Vinh, Chợ Chùa rồi về Thạch Trụ, Mộ Đức, Quảng Ngãi.

Ở Thanh Trụ còn mộ cụ Xuân Đình Nguyễn Tiên Sinh- Nguyễn Văn Tâm (con cụ Văn Hưng) sinh ra cụ Nguyễn Công Tuy, táng ở Gò Đu. Năm 2000 địa phương lấy khu đất này làm trạm điện, anh em con cháu phái thứ 3 ở Thanh Trụ đã di dời cụ và tám ngôi mộ các cụ ở dòng họ về Gò Thọ (nơi táng các cụ, ông bà phái thứ 3) và đã xây cất mộ cụ Xuân Đình. Cụ Xuân đình bà là Hoàng Thị Trèo, táng ở Tú Sơn gần Thạch Trụ.

Đến đời thứ 6, người làm rạng rỡ họ chúng ta là Cụ Tuy hoà Bá Tước Nguyễn Công Tuy (đến thế hệ ông Công Lương và tôi là 6 đời).

Cụ vào Gia Định đầu triều Nguyễn, làm đến Trung quân thứ ký của Cao thế Tổ Hoàng Đế (Vua Gia Long).

Sau khi chúa Nguyễn thắng Tây Sơn, cụ được cử ra Bắc thành rồi về làm Tri Phủ Kiến Xương (cũ) thời Gia Long, Minh Mệnh triều Nguyễn. Cụ mất ngày 18 tháng 10 âm lịch năm Quý Ty (1833) tại Nam Định, thọ 67 tuổi.

Năm Minh mệnh thứ 18 (1837) Cụ con trưởng của Cụ là Cụ Nguyễn Công Thái đã ra Bắc đưa di hài Cụ về nguyên quán Thạch Trụ (theo di chúc của Cụ khi lâm chung) táng ở gò Thấu, Xứ Đá bạc, sau lại rời về Gò Cây Gòn Thạch Trụ.

Mùa thu năm 1987, ông Công Lương và con trai út Khánh Phan và tôi đã về Quảng Ngãi, đó là 3 nơi: Chợ Chùa, Phú Thọ, Thạch Trụ, hầu viếng mồ mả, tổ tiên ông bà và tìm mộ các cụ tổ nhưng chỉ tìm thấy mộ cụ Xuân Đình, mộ cụ tổ bà chính thất là Hồ Thị Hai, táng ở vườn nhà ông Ninh Lộc, Thạch Trụ, không tìm thấy mộ cụ tổ ông Công Tuy.

Cho đến đầu năm 1998 mới tìm thấy mộ Cụ Tổ Công Tuy ở An Định (nay thuộc huyện Đức Phổ) cách Thạch Trụ khoảng 5 km, do tăng tôn (chất của cụ) là Cụ Cẩn (Nguyễn Công Thân) dời từ Thạch Trụ đến đây vào năm Thành Thái thứ 12 và cũng đã được ông bà trưởng họ Công Lương lo xây cất, tôn tạo đầu năm 1999.

Cuối năm ấy, ông bà Công Lương đã từ NewYork, Hoa kỳ về Thạch trụ cùng anh em con cháu chất phái thứ 3 cúng giỗ Cụ tổ Công Tuy ngày 18 tháng 10 năm Kỷ Mão (cuối tháng 11 năm 1999) tại nguyên quán Thạch Trụ.

Theo thông lệ của dòng họ từ xa xưa, cứ 3 năm 1 lần, tổ chức lễ Kỳ hội toán thể bà con trong họ Nguyễn Công đã khuất bóng từ cụ Thuỷ Tổ đến các thế hệ sau vào ngày 25 tháng Giêng năm âm lịch, gọi là Lễ Tiểu lệ cầu siêu.

Từ 1991, ông trưởng họ Công Lương đã cùng bà con, cô bác, anh em, con cháu thống nhất tổ chức lễ Kỳ hội này vào ngày mất của cụ tổ Công Tuy (18 tháng 10 âm lịch) và cũng 3 năm 1 lần. Bà con, anh em, con cháu dòng họ ở TP Hồ Chí Minh và Hoa Kỳ đã duy trì thực hiện.

Cụ Tuy hoà Bá Tước - Nguyễn Công Tuy.

Vào Gia Định đầu triều Nguyễn, làm bạn với cụ bà chính thất tên là Hồ Thị Hai, con gái đầu của cụ Hồ Văn Khang người làng Thanh Tĩnh, Tổng Tân Minh, huyện Vĩnh Định, Phủ Định Viễn trấn Vĩnh Thanh (nay là tỉnh Vĩnh Long) sinh ra cụ trưởng Nguyễn công Thái.

Cụ ông ra Bắc, cụ bà và ông con trưởng ở lại Gia Định. Ra Bắc, cụ ông lại làm bạn với cụ bà thứ thất tên là Thạch Thị Nhâm, con gái một vị sinh đồ (tú tài) Triều Lê ở làng Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông ngàn, phủ Tú Sơn, trấn Kinh Bắc (Bắc Ninh) nay là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Cụ bà thứ thất họ Thạch sinh được 4 người con trai:

1. Cụ Nguyễn Công Thế (phái thứ 3 Thạch Trụ)

2. Cụ Nguyễn Công Tiếp (phái thứ 4 Phù Ninh)
3. Cụ Nguyễn Công Tự (ở Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)
4. Cụ Nguyễn Công Phổ ở Hiệp Hoà, Bắc Giang.

Sau đó cụ bà chính thất và con cùng ra Bắc ở phủ Kiến Xương, sinh thêm con trai là Cụ Nguyễn Công Đề.

Thế là hai cụ Tổ bà có sáu con trai và 7 cụ con gái là: Thị Chính, Thị Vạn, Thị Niên, Thị Tín, Thị Thuận, Thị Hà, Thị Châu, gia phả không ghi các cụ xuất giá về đâu và con cháu thế nào.

Như vậy, con cháu, chất, chắt, chít của dòng họ Nguyễn Công chúng ta có hai quê ngoại: làng Thanh Tĩnh (tỉnh Vĩnh Long) và Làng Phù Ninh(xã Ninh Hiệp, Hà Nội). Một cụ (Công Tiếp) lập quán ở Phù Ninh thành quê nội ở Bắc.

Cụ Nguyễn Công Thái (phái thứ nhất Trưởng họ)

Sinh ra cụ Nguyễn Công Tấn và 3 con gái: Thị Bổng, Thị Tiếu, Thị Thuyền (đều mất sớm).

Cụ Công Tấn đã làm đến Tiểu Phủ Sứ, cai quản vùng Quảng Ngãi từ thời Tự Đức.

Cụ Công Tấn có 3 cụ con trai: Công Thân, Công Kiêm, Công Văn.

- Cụ Công Kiêm sinh một ông Công Tương. ông Công Tương chỉ có một con gái là Nguyễn Thị Ni, còn sống, hỏng mắt, đang sống với các cháu ở Sài Gòn.

- Cụ Công Văn (Đô thống) có 5 con trai:

1. Ông Công Sước (Ấm cả) sinh ra anh Nguyễn Thiệu.
2. Ông Công Chúc (Bang Chúc)
3. Ông Công Tạc (Ba Mừng)
4. Ông Công Lạc (Tứ Thở)
5. Ông Công Chúc (Năm Chồn) và nhiều con gái.

Hiện nay ở Thạch Trụ có anh Huỳnh Cường con cô Xum và bác Huỳnh Thông (cô Xum là con gái Cụ Công Văn).

Ông Bang Chúc còn bà hai và con cháu đang làm ăn sinh sống ở Ban Mê Thuật. Ông bà Mừng có 3 con gái : Chị Phước (đã mất), chị Lộc, chị Tòng đang ở Sài Gòn.

Anh Nguyễn Thiệu là nhà hoạt động cách mạng lão thành, là đại biểu An Nam Cộng Sản Đảng dự thành lập Đảng Cộng Sản **Việt Nam** dưới sự chủ toạ của

Chủ tịch Hồ Chí Minh (An Nam Cộng Sản Đảng có 2 đại biểu là Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm). Anh Nguyễn Thiệu còn vợ nhỏ (Xuân Cang) đang ở với con trai lớn Nguyễn Thiện ở đường Trần Phú, Quận 5, Sài Gòn, có 1 con gái lớn (con vợ trước) tên là Hoa, chồng là Sung, dạy học ở phố Nguyễn Nghiêm, thị xã Quảng Ngãi. Có hai con ở Hà Nội là cháu Tùng, chồng là Hoà đang ở nhà cũ của anh Thiệu ở 80^B phố thợ Nhuộm, Hà Nội; và một con trai út Nguyễn Thiệp làm việc ở Vụ Châu Âu 2, Bộ Ngoại Giao, nhà ở gác 3 số 29, phố Trương Hán Siêu Hà Nội.

Cụ Cần - Nguyễn Công Thân

Nguyên Thân Thái Phó - Văn minh đại học sỹ- Thân Nho Bá Tước – Diên Lộc Quận Công. Có 11 cụ bà với 28 người con: 14 trai, 14 gái:

- Con trai:

- | | |
|---------------|--|
| 1. Công Kế | 8. Công Ky |
| 2. Công Vỹ | 9. Công Phi |
| 3. Công Thuần | 10. Công Nhơn |
| 4. Công Luân | 11. Công Thao |
| 5. Công Hy | 12. Công Chi |
| 6. Công Tri | 13. Công Tăng(hoà thượng Thích Trí Hưng) |
| 7. Công Uyển | 14. Công Lăng |

- Con gái:

- | | |
|--------------------------------|---------------------------------|
| 1. Thị Lý | 8. Thị Hạnh (bà Phan Thúc Ngô) |
| 2. Thị Liên | 9. Thị Cam |
| 3. Thị Liễu(vợ vua Thành Thái) | 10. Thị Quýt |
| 4. Thị Tùng | 11. Thị Bưởi |
| 5. Thị Cúc | 12. Thị Dương |
| 6. Thị Mai | 13. Thị Lê (bà mười Điện Trang) |
| 7. Thị Đàng(Bà Phán Cẩm) | 14. Thị Khương(bà Hoàng Yến) |

- Hai bà Cúc và Cam bị hoả hoạn chết lúc còn nhỏ.

- Bà Liễu năm Quý Tỵ dời Thành Thái thư 5 được tuyển vào Cung, sắc phong Hoàng Quý Phi, năm đầu Duy Tân được tôn phong Hoàng Đích Mẫu.

- Ông trưởng Nguyễn Công Kế, binh bộ thương thư có một con trai là Công Huyền (mất sớm) và một con gái Cẩm Hà (Bông). Chị Bông có một con gái là Sương tập kết ra Bắc, sau năm 1975 về Sài Gòn ở 127/70 đường Lý Chính Thắng, Quận 3. Chị Bông ở với cháu Sương ở Sài Gòn (đã mất)

- Ông Công Vỹ là con thứ hai của Cụ Công Thân. Có 6 con trai, 2 con gái.

- | | |
|--------------|---------------|
| 1. Công Cự | 4. Công Diên |
| 2. Công Huân | 5. Công Ty |
| 3. Công ý | 6. Công Phùng |

5 người đã mất còn anh Công Phùng đang ở 221/42 đường Lê Văn Sĩ, Quận 3, Sài Gòn và chị vợ anh Huân đang ở Phú Thọ, nhà làm trên nền nhà thờ bà Mạng (Nhất phẩm phu nhân Nguyễn Thị Định) ở Phú Thọ, có hai con trai là Trứ và Măng ở thị xã Quảng Ngãi.

Con gái ông Công Vỹ: Thử Loan ở thị xã Quảng Ngãi

Thử Hồng ở Úc

Cháu đích tôn của Ông Công Vỹ là Nguyễn Kiên (con anh Công Cự), vợ là Quý đang làm ăn ở 49 Phan Chu Trinh, thị xã Quảng Ngãi. Ông Công Thuận và Công Luân là con cụ đệ nhị phu nhân.

- Ông Công Hy là con thứ 5 của cụ Công Thân, con thứ nhất của Cụ bà Nguyễn Thị Định, Thạch Trì kế thất, Nhất phẩm phu nhân nên ông Công Hy được thừa kế làm Trưởng và cùng mẹ với các ông: Công Tri (có con là ông Diên ở Sài Gòn), Công Ky (có hai con Công Liệu ở Thạch Trụ, đã chết và Công Tân ở Buôn Mê Thuật cũng đã chết, còn vợ con đang ở Buôn Mê Thuật); Công Phi (có các con là Công Thử, Công Tế, Công Đề, Công Luyện và vợ con đang ở BMT, Công Tuyển đang ở Cali, USA, Công Liên đã mất; Công Chi, có 3 con trai: Công Tuệ, Công Minh đang ở Dallas bang Texas USA, Công Bích (mất) có 3 con gái: Hồng Vân ở Vĩnh Long, Tuyết và Hồng Nghi ở Sài Gòn, chị Hồng Nghi đã mất đầu năm 2000).

- ông Công Nhơn, Công Thao, Công Lăng (mất sớm), và hai bà Thị Hạnh, thị Khương là con cụ Đệ tam phẩm phu nhân Nguyễn Thị Phát (chị ruột cụ Nguyễn Thị Định). Bà Nhơn và tất cả con cháu đang ở Canada. Ông Thao có 1 con trai lớn là Nguyễn Liên cùng vợ con đang làm ăn ở 16/75/6 đường Nguyễn Thiện Thuật, quận 3, Sài Gòn. Anh Liên hiện nay thay anh Lương và Sâm trụ trì cúng giỗ ở Sài Gòn từ sau khi anh Lương và anh Sâm di Mỹ.

- Ông Công Tăng, năm 21 tuổi xuất gia đi tu và trở thành Hoà Thượng Thích Trí Hưng, trụ trì chùa Thiên Lâm ở 570/6 đường Hùng Vương, Quận 6 Sài Gòn, đã viên

tịch. Có một con gái Thu Hương, chồng là Nguyễn Đình Tạo ở 5/191/42 phường 13, đường Bà Hom, quận 6 Sài Gòn và một con trai Nguyễn Công Hội ở 37/27 phường 21 đường Ngô Tất Tố, Quận Bình Thạnh, Sài Gòn.

- Ông Công Lăng (út) mất sớm, mộ táng ở Phú Thọ.

- Ông Công Hy làm quan Nam Triều thời Bảo Đại, Tuần phủ Quảng Bình, Tuần phủ Bình Định, Tổng đốc Thanh Hóa rồi về triều làm Thượng Thư, cuối cùng là Chánh Thẩm toà Thượng Thẩm ở Huế, mất ở Sài Gòn. Ông Hy có 2 bà: bà lớn sinh 2 trai: Công Lương và Công Cương (mất trẻ, mộ táng ở Phú Thọ), 4 gái: Ngọc Lan, Ngọc Thuyền đang ở bang V.A. Hoa Kỳ, Ngọc Trâm ở Cali, Ngọc Nhụy và con cháu đi Úc (chị Nhụy đã mất ở Úc). Bà nhỏ sinh 3 trai: Công Sâm, Công Nhung, Công Bảo đang ở USA và Canada; 2 gái: Nhã Diễm, Nhã Đạm (goá) đang cùng các con ở với bà ở 127/133 Điện Biên Phủ, phường DaKao, quận 1, Sài Gòn.

- Ông Công Lương, vợ là bà Cao thị Vân Dao (cháu Cụ Cao Xuân Dục) ở số 1 BIS Nguyễn Thành ý, phường DaKao, quận 1, Sài Gòn, đi Mỹ đầu năm 1992 hiện ở Brooklyn, NewYork, Hoa Kỳ.

Ông bà Lương có 12 con, 5 trai: Khánh Anh, Khánh Tổ ở Đức; Khánh Kinh ở Thụy Sĩ; Khánh Hồng ở Cali và Khánh Phan đang ở với ông bà ở Brooklyn.

7 gái: Đường Phên (Cẩm gia) chồng là Liên; Mật xít (Quỳnh Hoa) chồng là Vũ Chấn; Diệu Hoàng, chồng là Nhuận ở Hoa Kỳ; Bích Đường ở Đức; Đường Phôi (Thoại Ngọc) chưa chồng ở với cha mẹ ở Brooklyn; Đường Bông (Trần Châu) chồng là Hoàng; Đường Cát (Quỳnh Cư) chồng là Võ Tâm, ở Sài Gòn. Đường Bông mới đi Mỹ với chồng còn đầu năm 2000. Còn lại vợ chồng Tâm Cát ở 1 Bis Nguyễn Thành ý, phường DaKao, quận 1, Sài Gòn.

Như vậy, phái trưởng hiện nay ở Sài Gòn chỉ còn bà nhỏ Công Hy với 2 con gái Nhã Diễm, Nhã Đạm, vợ chồng cháu Cát Tâm, anh Liên con ông 11 Công Thao. Hàng năm 2 ngày giỗ cụ Công Tấn (19/4 âm lịch) và Cụ Công Thân (29/7 âm lịch) con cháu tập trung cúng giỗ ở nhà anh Liên. (Trước vẫn cúng ở chùa Thiền Lâm khi còn Hoà thượng Thích Trí Hưng, rồi cúng ở nhà của ông Công Lương khi hoà thượng viên tịch). Bây giờ ở Hoa Kỳ, một số cùng ông Công Lương cúng ở NewYork và một số khá đông con cháu ở Cali cùng ông Tuyền (con ông 9 Công Phi) cúng giỗ các cụ ở Cali.

- Về Cụ Nguyễn Công Đề, con trai thứ 2 của cụ tổ bà chính thất Hồ Thị Hai. Cụ Tổ ra Bắc sinh cụ Đề ở Bắc. Cụ Đề có hai cụ bà ở Bắc. Cụ làm Thư Lại tỉnh Nam Định. Cụ có hai con trai Công Cẩn và Công Quân.

Cụ Công Cần có 3 con trai: Công Thọ, Công Tịch, Công Toàn. Ông Công Thọ vô tự, Ông Công Tịch sinh Công Tự, ông Công Toàn có 3 con Công Tấn, Công Chỉ, Công Xuyên (có sơ đồ ghi ở cuối phần II phái phía Bắc).

Cụ Nguyễn Công Thế

Cụ Thế là con lớn cụ bà họ Thạch, phái thứ 3 ở Thạch Trụ có hai con trai là: Công Cương và Công Kỷ (cụ Đội Chuông). Cụ Thế vào Gia Định làm ăn có cụ nhỏ sinh một con gái. Cụ mất ở Gia Định ngày 01/12 năm Quý Hợi thọ 58 tuổi. Cháu đích tôn của cụ và ông Công Duy (Cửu Túc) đã vào Gia Định mang thi hài Cụ về táng tại Rừng Thọ (chưa tìm thấy mộ). Hai cụ con trai của cụ bà là:

Nguyễn Công Cương: Tri huyện Đức phổ có 4 con trai: Công Duy (Cửu Túc), Công Cấp, Công Ước (Hương Bộ), Công Anh (Mười Dung) và hai con gái.

- Ông Công Duy (Cửu Túc) có một trai là Công Sum. Bác công Sum có 3 con gái: Chị Hai ty ở Thạch Trụ đã mất, chị Bốn Hảo ở thị xã Quảng Ngãi, chị Sanh ở tam Kỳ và bốn con trai: Công Diên, Công Trình, Công Lâm, Công Hạ, 3 người đã mất còn anh Hạ là út đang trông nom thờ cúng các cụ, ông bà phái thứ 3 ở Thạch Trụ.

- Ông Công Cấp có 2 con trai: Công Nghiệm (bốn Kiêu), Công Huyền (Khâm) và bốn con gái là cô Năm Truyền, Sáu Sang, Thái Thìn, Chín Thương. Bác Công Nghiệm (bốn Kiêu) có một trai Công Liêu (chết), 5 gái là các chị: Kiêu (có con cháu đang ở Thạch trụ), Đường ở Long An, Lợi ở Sài Gòn, Niên ở Sài Gòn, Minh ở Lâm Đồng.

Bác Công Huyền (Khâm) có 3 con trai: Công Khâm, Công Mười ở Sài Gòn, Công Phiên ở Thạch Trụ.

- Ông Công Ước (Hương Bộ) có 5 con trai:

1. Bác Công Huyền có 2 con trai: Anh Công Hội (đã mất), vợ con đang ở thủ Thiêm, Sài Gòn; anh Công Đồng và vợ con ở Thạch trụ; và 3 con gái là các chị: Diệm ở Năng An, Tú Nghĩa, Diệp và Sang đang ở Sài Gòn.

2. Bác Công Sự (mất sớm).

3. Bác Công Hoàng có 4 con trai: Công Hồng và vợ con ở xóm Chùa, Thạch Trụ; Công Thanh (mất năm 1993), vợ con đang ở Tân Bình, Sài Gòn; Công Liêm, Công Lang và vợ con ở Võ Đắc; và một con gái là Kim Phụng, trước ở thị xã Quảng Ngãi, đã sang Mỹ, đang ở bang Texas.

+ Anh Công Hồng ở Thanh trụ có hai con trai: Thái Học ở Sài Gòn, Công Thi ở Võ Đắc; 4 gái: Hường, Trang ở Sài Gòn, Hữu, Thuyên ở quê (anh Hồng đã mất ngày 20/10 Nhâm Ngọ 2002).

+ Anh Công Thanh vợ là Lê thị Liên có 5 con, 2 trai là Thanh Tịnh, Quân Trung; 3 gái Thanh Thủy, Kiêu Thu, Thanh Trúc đang ở Tân Bình, Sài Gòn.

4. Bác Công Soạn (Duy Soạn) hiện ở phố Thạch trụ, có 1 trai Công Phê (đã mất); 2 gái: chị Phố ở Bình Dương, chị Phẩm và các con đang ở với ông bà ở Thanh Trụ. (Bà Soạn mất ngày 7 tháng 11 Nhâm Ngọ 2002).

Ông Hoàng, ông Soạn đã tập kết ra Bắc đến sau 1995 mới về hưu, về quê Thạch Trụ. Ông Hoàng đã mất ở Thạch Trụ.

5. Bác Công Lượm, có 4 con trai: Công Tòng (chết), Công Phòng ở Bảo Lộc Lâm Đồng, Công út, Công Tâm ở Sài Gòn và 7 gái: 3 chị Hoa, Bé, Thuỷ ở Sài Gòn, 4 chị: Cúc, Thọ, Kỳ, Bối ở Bảo Lộc Lâm Đồng.

Hai con gái của ông Hương Bộ là:

+ Cô ba Thành ở Đức Tân có 1 con trai là Lê Đức Trâm, 2 gái: chị Viên, chị Chi ở Đức Tân. Anh Trâm có con trai là Lê Đức Bình, làm việc ở Sở y tế Lâm Đồng.

+ Cô Mười Kính, chồng là Lê Đào, ở Võ Đắc, có 1 con trai là Lê Đức Dũng ở Sài Gòn, 3 gái: Hồng Vân, Hồng Tâm ở Võ Đắc và Hồng Anh ở Sài Gòn.

- Ông Công Anh (Mười Dung) ở Ba gia-Đồng Ké - An Phú- Sơn Tịnh. Có 5 con trai:

1. Bác Ba Si (đã chết) có 1 con trai Nguyễn Tôn, bộ đội hải quân tập kết ra Bắc, đã hy sinh. Anh Tôn có vợ là Lương Thị Tuyết Lê ở Thái Nguyên, có 2 con trai là Nguyễn Sơn, Nguyễn Hải, 3 mẹ con đã về Thạch trụ, từ lâu 3 mẹ con không có liên lạc gì với quê nội.

2. Bác Nguyễn Biên, học ở Hà Nội năm 41-42, đỗ tú tài về dạy học ở Quảng Ngãi, đã nghỉ hưu, hiện đang ở sau ga Thạch trụ. Bác Biên có 3 con trai: Thanh Bình và vợ con ở Mỹ, Quốc Bảo và vợ con ở thị xã Quảng Ngãi, Quang Bửu và vợ con ở với ông Biên ở Thạch Trụ; 4 con gái là: chị Diệu Bắc đã đi Mỹ với anh Bình, Thanh Bưởi chồng là Yên ở Quy Nhơn, Bằng và chồng con ở Phổ Phong, Bồng và chồng con ở Đà Nẵng.

3. Bác Nguyễn Thống ở quận 6, Sài Gòn.

4. Bác Nguyễn Triết ở Xuyên Mộc, Bà Rịa, Vũng Tàu.

5. Nguyễn Khôi ở Texas, USA.

Và 6 con gái là các cô:

1. cô Hai Sâm, đi Mỹ và đã chết.

2. Cô Năm Thảo đang ở đường Sư Vạn Hạnh, Sài Gòn.

3. Cô Sáu Hoài ở Cam Ranh.

4. Cô Chín Phụ ở Hàm Tân, Bình Thuận.

5. Cô Hồng Ba chồng là Chu ở Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận, Sài Gòn.

6. Cô mười bốn: Nguyễn Minh Thư, chồng là Phan Thanh Ngân ở Xuyên Mộc, Bà Rịa, Vũng Tàu.

Phần II

Gia Phả họ Nguyễn Công phái phía Bắc.

Họ Nguyễn Công phía Bắc là một bộ phận của họ Nguyễn Công ở Thạch Trụ, Mô Đức, Quảng Ngãi định cư ở miền Bắc.

Ở phía Bắc, họ Nguyễn Công có 2 điểm định cư là:

- Xã Phù Ninh, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
- Xã Thổ Tang, phủ Tam Đãi, tỉnh Sơn Tây, nay là xã Phổ tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tất cả các điểm định cư trên đều xuất phát từ con cháu cụ tổ Nguyễn Công Tuy.

Cụ tổ Nguyễn Công Tuy quê ở xã Thạch Trụ, huyện Mô Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Cụ vào Gia Định, đầu quân chúa Nguyễn ánh làm Trung quân thư ký. Khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước cụ được cử ra miền Bắc làm Tri Phủ Kiến Xương(nay thuộc tỉnh Thái Bình) ở các thời Gia Long và Minh mệnh. Cụ mất ngày 18/10 âm lịch năm Quý tỵ (1833) tại Nam Định, thọ 67 tuổi.

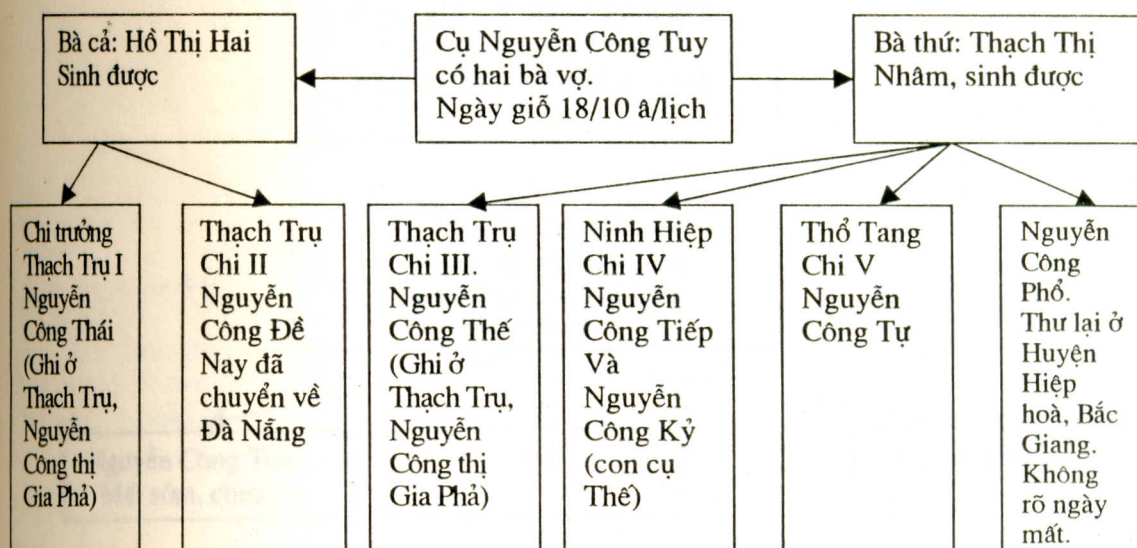
Năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) con trưởng của cụ là Nguyễn Công Thái đã ra Bắc mang hài cốt của Cụ về táng ở Thạch Trụ theo lời di huấn của Cụ trước khi mất. Đến năm 1998 mới tìm thấy mộ cụ ở An Định, Huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi do chất của cụ là Nguyễn Công Thân rời mộ từ Thạch trụ về đó vào năm Thành Thái thứ 12. Ông Nguyễn Công Lương trưởng họ đã tôn tạo lại năm 1999.

Cụ Tuy có hai cụ bà:

- Bà cả là Hồ Thị Hai, con gái đầu của cụ Hồ Văn Khang, người làng Thanh Tĩnh, Tổng Tân Minh, huyện Vĩnh Định, phủ Định viễn trấn Vĩnh Thanh (nay là tỉnh Vĩnh Long). Mộ phần bà Hai táng tại vườn nhà ông Ninh Lộc thôn Thạch Trụ, xã Đức Lân, huyện Mô Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà thứ là: Thạch Thị Nhâm, con gái một vị sinh đồ (tú tài) triều Lê ở Làng Phù Ninh, Tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (Bắc Ninh) nay là xã Ninh Hiệp huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Di hài của bà do chất của bà là cụ Nguyễn Công Thân đã mang về táng tại Thạch trụ nhưng hiện nay chưa tìm thấy.

Sơ đồ gia đình cụ Tuy:



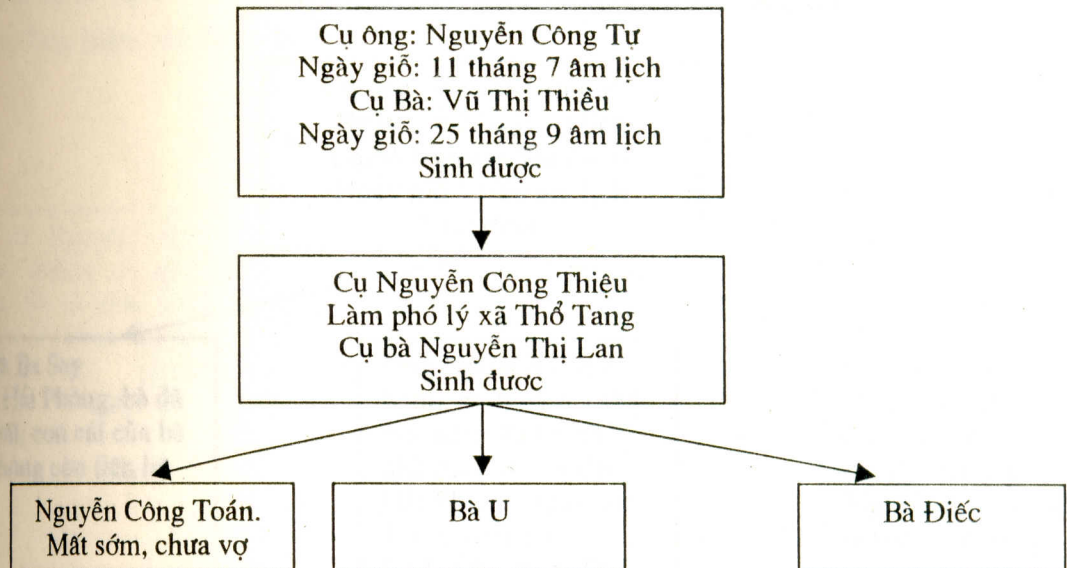
Trong các chi ở miền Bắc thì chỉ có chi cụ Nguyễn Công Tiếp là phát triển. Còn các chi khác có hai chi đã hết người thừa kế là: Chi cụ Nguyễn Công Tự ở Thổ Tang; phái cụ Nguyễn Công Kỳ ở Ninh Hiệp.

Xin viết trước hai chi đã hết người thừa tự:

I. Chi V: Cụ Nguyễn Công Tự:

Cụ Nguyễn Công Tự là con trai thứ 3 của bà Thạch Thị Nhâm với Cụ Nguyễn Công Tuy. Cụ đỗ tú tài nho học. Cụ lên xã Thổ Tang, Tổng Lương Điền, phủ Tam đài, tỉnh Sơn Tây (nay là xã Thổ tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) dạy học chữ nho rồi lập quán ở đó.

Sơ đồ chi của Cụ:



Hiện giờ chỉ còn chất của bà U, bà Đיעc, không còn liên lạc gì nữa.

Mộ của các cụ đều táng ở Thổ Tang nhưng không biết chỗ nào.

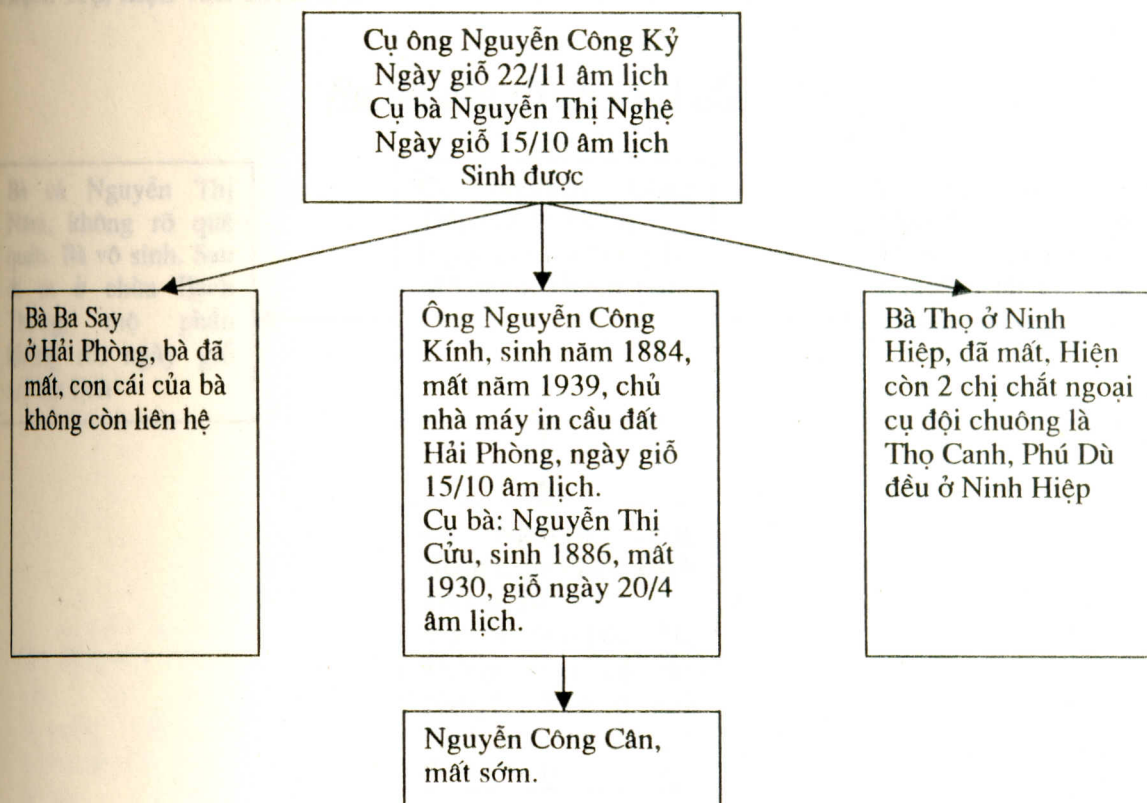
Hiện nay cháu trưởng của dòng họ Nguyễn Công phía Bắc, anh Nguyễn Công Quyền vẫn cúng giỗ các cụ ở xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội.

II. Phái cụ Nguyễn Công Kỷ (từ chi III tách ra)

Cụ Nguyễn Công Kỷ còn gọi là cụ Đội Chuông sinh năm 1845, mất năm 1925, là con cụ Nguyễn Công Thế, cháu cụ Nguyễn Công Tuy, ra làm việc ở Hải Phòng và cũng về lập quê ở xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội.

Cụ bà là Nguyễn Thị Nghệ sinh năm 1856, mất năm 1936.

Sơ đồ phả cụ Nguyễn Công Kỷ.



Sau khi bà Cửu mất, ông Kính có lấy bà vợ nữa người Hải Phòng nhưng bà này vô sinh và sau khi ông Kính mất thì bà này cũng bỏ làng đi, không còn liên hệ gì. Một phần của cụ Kỷ, cụ Nghệ và ông Kính, bà Cửu đều táng tại nghĩa trang làng Đại Vương, xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội.

Anh Quyển vẫn cúng giỗ.

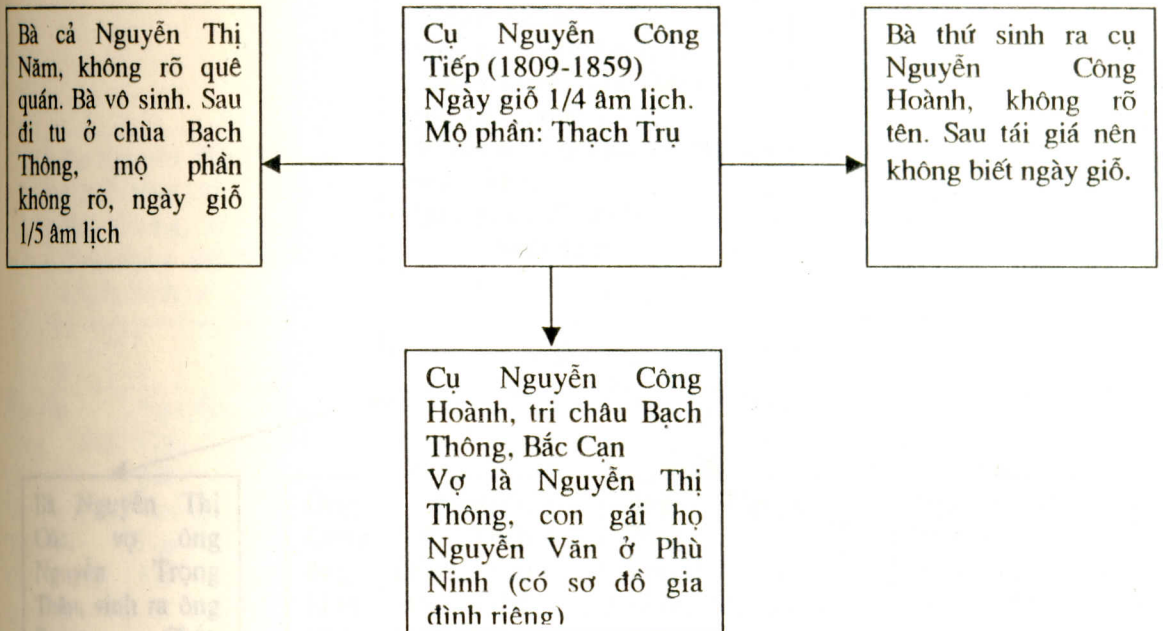
III. Chi IV: cụ Nguyễn Công Tiếp

1. Cụ Nguyễn Công Tiếp

Cụ Tiếp là con thứ 2 của cụ bà Thạch Thị Nhâm với cụ Nguyễn Công Tuy. Cụ làm Thư lại tỉnh Sơn Tây nhưng định quán ở quê ngoại: xã Phù Ninh, Tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, Phủ Tứ Sơn, trấn Kinh Bắc (Bắc Ninh)-nay là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Cụ sinh năm Kỷ Ty (1809) mất năm Kỷ Mùi (1859) hưởng thọ 50 tuổi. Ngày giỗ của cụ là ngày 1/4 âm lịch. Di hài của Cụ, cụ Nguyễn Công Thân đã mang về Thạch Trụ, hiện vẫn chưa tìm thấy mộ. Cụ Tiếp có hai cụ bà.

Sơ đồ gia đình cụ Tiếp.

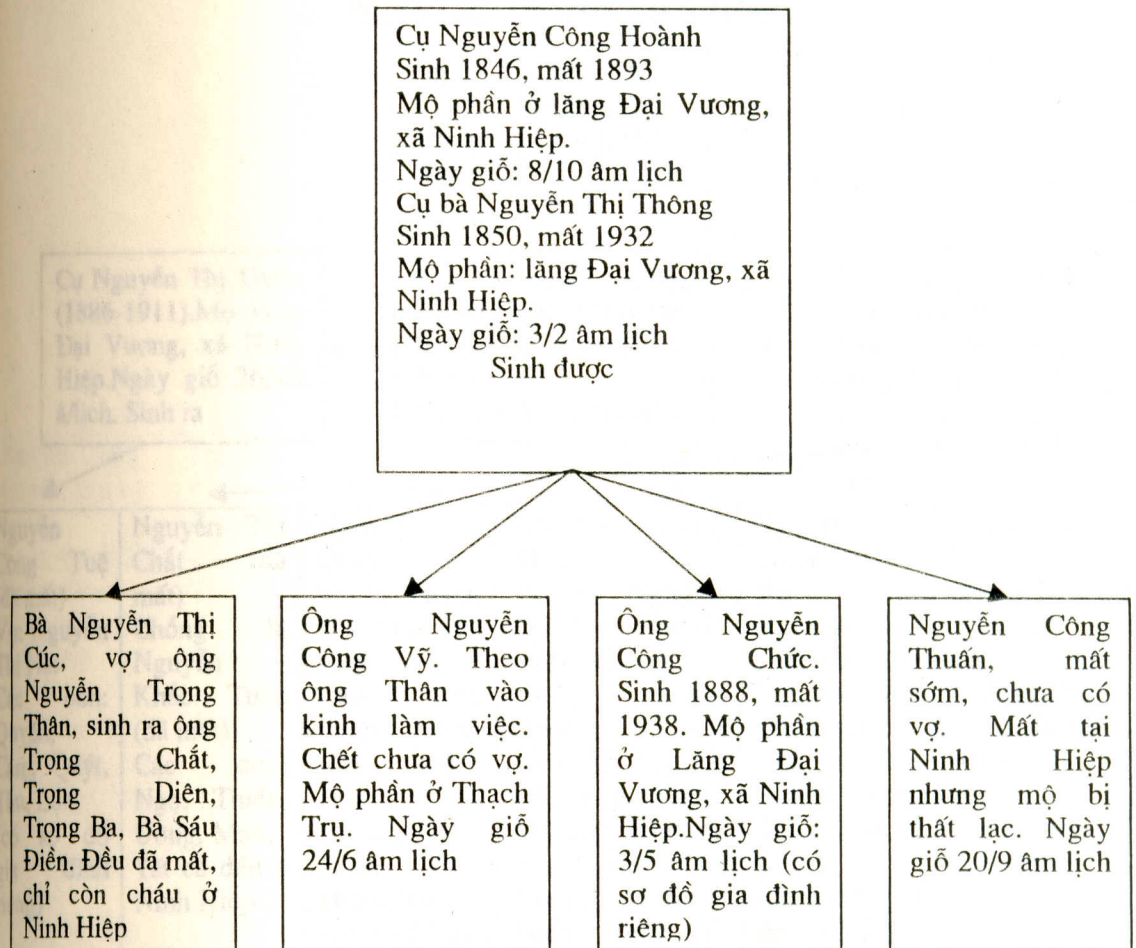


2. Cụ Nguyễn Công Hoành.

Cụ Hoành là con độc nhất của cụ Tiếp. Cụ sinh năm 1846 mất năm 1893, thọ 47 tuổi. Cụ làm Tri châu huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn.

Cụ bà là Nguyễn Thị Thông, con gái họ Nguyễn Văn ở xã Ninh Hiệp, mất năm 1932, thọ 82 tuổi.

Sơ đồ gia đình cụ Hoàng:



Thực chất về con trai cụ Hoàng chỉ có mình cụ Chức là có dòng dõi nối tiếp.

3. Cụ Nguyễn Công Chức

Cụ vào họ Nguyễn Đạo nên có lúc viết là Nguyễn Đạo Chức. Cụ là con trai duy nhất của cụ Hoàng có vợ con nối dõi dòng họ. Cụ làm Bình Văn xã Phù Ninh, Tổng Hạ Dương.

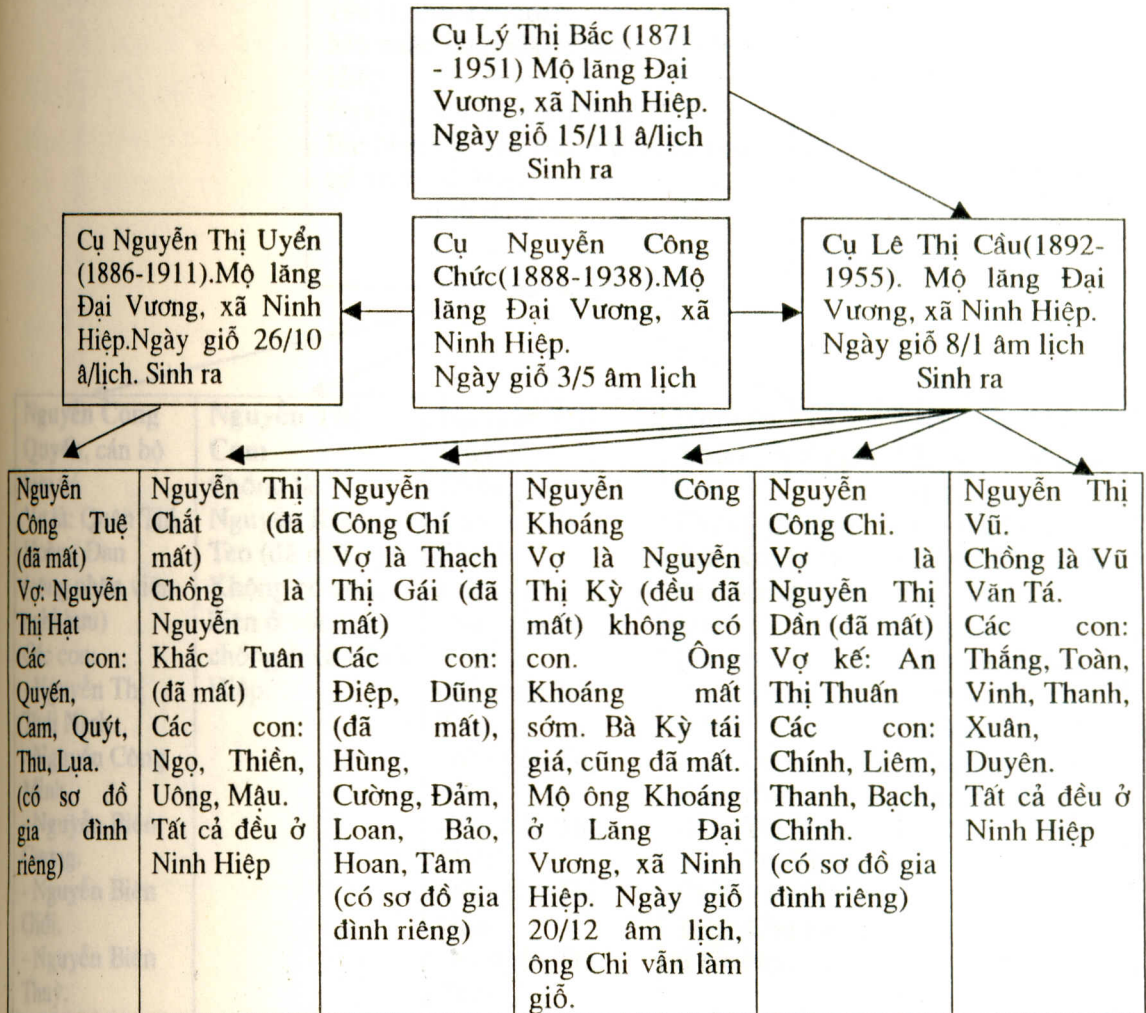
Cụ có hai bà vợ:

- Bà trước là Nguyễn Thị Uyển, con cụ cử nhân Nguyễn Mộng Huyền, ở Hiệp Phù, xã Ninh Hiệp.

- Bà kế là Lê Thị Cầu, con cụ Lý Thị Bắc ở xã Ninh Hiệp với cụ Tuần án Sơn Tây Lê Huy Phan ở xã Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh. Cụ Phan mở trường dạy học chữ nho ở xã Ninh Hiệp mới lấy cụ Bắc. Khi cụ đi làm quan thì lập bà phu

nhân khác nên cụ Bắc không đi theo mà ở lại Ninh Hiệp làm ăn. Cụ chỉ sinh có một mình bà Cầu. Cụ Bắc là người giàu có nên khi cụ Chúc lấy bà Cầu thì cả gia đình cùng ở với cụ Bắc.

Sơ đồ gia đình cụ Chúc



4. Nguyễn Công Tuệ

Ông Tuệ là con cả của cụ Nguyễn Công Chúc với bà Nguyễn Thị Uyên. Ông làm thầy lang đông y. Ông sinh năm canh tuất (1910) mất năm 1981, thọ 72 tuổi.

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Hạt con cụ Khoá Tràng, ở xã Ninh Hiệp.

Sơ đồ gia đình ông Tuệ.

Ông Nguyễn Công Tuệ (1910 – 1981), thọ 72 tuổi.
Mộ phần làng Đại Vương, xã Ninh Hiệp.
Ngày giỗ: 12/12 âm lịch
Bà: Nguyễn Thị Hạt ở với con trai
tại xã Ninh Hiệp
Sinh được

Nguyễn Công Quyen, cán bộ hưu trí. Vợ là: Quân Thị Hoàng Đan (công nhân viên nghỉ hưu) Các con: - Nguyễn Thị Thái Ninh. - Nguyễn Công Minh. - Nguyễn Biên Cương. - Nguyễn Biên Giới. - Nguyễn Biên Thủy. (có sơ đồ gia đình riêng)	Nguyễn Thị Cam Chồng là: Nguyễn Khắc Tèo (đã mất) Không có con, hiện ở với con chồng ở xã Ninh Hiệp.	Nguyễn Thị Quýt. Chồng là: Nguyễn Bá Thịnh. Các con: - Nguyễn Bá Vượng. - Nguyễn Bá Tinh - Nguyễn Thị Vĩnh - Nguyễn Thị Phúc - Nguyễn Thị Hảo. - Nguyễn Thị Tâm. - Nguyễn Thị Tĩnh. Đều ở Ninh Hiệp	Nguyễn Thị Thu (CNV nghỉ hưu) Chồng là: Cao Sơn Xuyên (kỹ sư địa chất, nghỉ hưu) Các con: - Cao Sơn (đã mất) - Cao Long. - Cao Hải - Cao Thị Vân - Cao Thị Thủy Chỉ có Hải ở Tiếp. Còn tất cả ở Hà Nội.	Nguyễn Thị Lua (CNV hưu trí) Chồng là: Phạm Văn Chính (cán bộ hưu trí) Các con: - Phạm Cương - Phạm Thanh - Phạm Thị Tú Gia đình ở thị xã Yên Bái.
---	---	--	--	---

5. Ông Nguyễn Công Chí.

(Hiện ở 23 Hà Trung, Hà Nội.)

Ông Chí là con trai thứ 2 của cụ Nguyễn Công Chúc và bà Lê Thị Cầu. Vợ là Thạch Thị Gái, con cụ Lãi Đồ ở Ninh Hiệp. Bà Gái đã mất.

Sơ đồ gia đình ông Chí.

Ông Nguyễn Công Chí
Vợ là bà Thạch Thị Gái
(1919-2002).
Mộ phần làng Đại Vương, xã
Ninh Hiệp.
Ngày giỗ 29/9 âm lịch, sinh
ra:

Nguyễn Thị Diệp, sản xuất nhỏ. Chồng là Nguyễn Văn Siêu, kỹ sư nông nghiệp nghỉ hưu. Các con: -Nguyễn Văn Tuấn, kỹ sư điện. Vợ là: Đỗ Thị Uyên. Con: Nguyễn Văn Khánh. -Nguyễn Văn Long. Vợ là: Tô Kiều Trang. Chỉ có Diệp ở Hà Nội, còn lại ở Sài Gòn.	Nguyễn Công Dũng, sinh viên đi thanh niên xung phong bị bom chết lúc 20 tuổi, chưa có vợ	Nguyễn Công Hùng, kỹ sư xây dựng, cán bộ nghỉ hưu. Vợ là: Trần Thị Chi, kỹ sư xây dựng nghỉ hưu. Các con: -Nguyễn Thị Thoa, kiến trúc sư. Chồng là: Nguyễn Văn Tiến, kiến trúc sư. Có 1 con. -Nguyễn Công Hùng, sinh viên đại học Bách Khoa. Tất cả ở Sài Gòn	Nguyễn Công Cường, kỹ sư xây dựng nghỉ hưu. Vợ là: Đào Thị Hoa Lê, kế toán nghỉ hưu. Các con: -Nguyễn Công Tráng. Vợ là: Nguyễn Việt Oanh. Con: Nguyễn Thu Trang và Nguyễn Phương Anh. -Nguyễn Công Thành, kỹ sư xây dựng. Vợ là: Nguyễn Thu Hằng, ĐH ngoại ngữ. Con: Nguyễn Quỳnh Anh. -Nguyễn Hồng Nhung, cử nhân kinh tế. Ở Hà Nội	Nguyễn Công Đàm, kỹ sư xây dựng. Vợ là: Bùi Kim Dung, bác sỹ. Các con: -Nguyễn Thị Ngọc, sinh viên ĐH Bách Khoa. -Nguyễn Công Tùng, học cấp III. Ở Hà Nội	Nguyễn Thị Loan, tiến sỹ sinh học. Chồng là: Bạch Thiện Hạnh, thạc sỹ kinh tế. Các con: -Bạch Thiện Tú. -Bạch Thiện Phúc. Ở Hà Nội	Nguyễn Công Bảo. Vợ là: Nguyễn Thị Nhung. Các con: -Nguyễn Công Khanh. -Nguyễn Công Công. -Nguyễn Công Khương. -Nguyễn Công Khải. Sản xuất và buôn bán nhỏ ở xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Công Hoan, thiếu tá quân đội. Vợ là: Lê Thị Hà. Con: -Nguyễn Công Hiến. -Nguyễn Thị Hoa. Ở Hà Nội.	Nguyễn Thị Tâm, y tá BV XanhPôn. Chồng là: Nguyễn Văn Tú, công nhân BV XanhPôn. Con: -Nguyễn Thị Linh. -Nguyễn Thị Ngân. Ở Hà Nội.
--	---	--	--	--	---	---	--	---

6. Ông Nguyễn Công Chi.

Hiện ở Phòng 106, nhà Z9, Phường Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

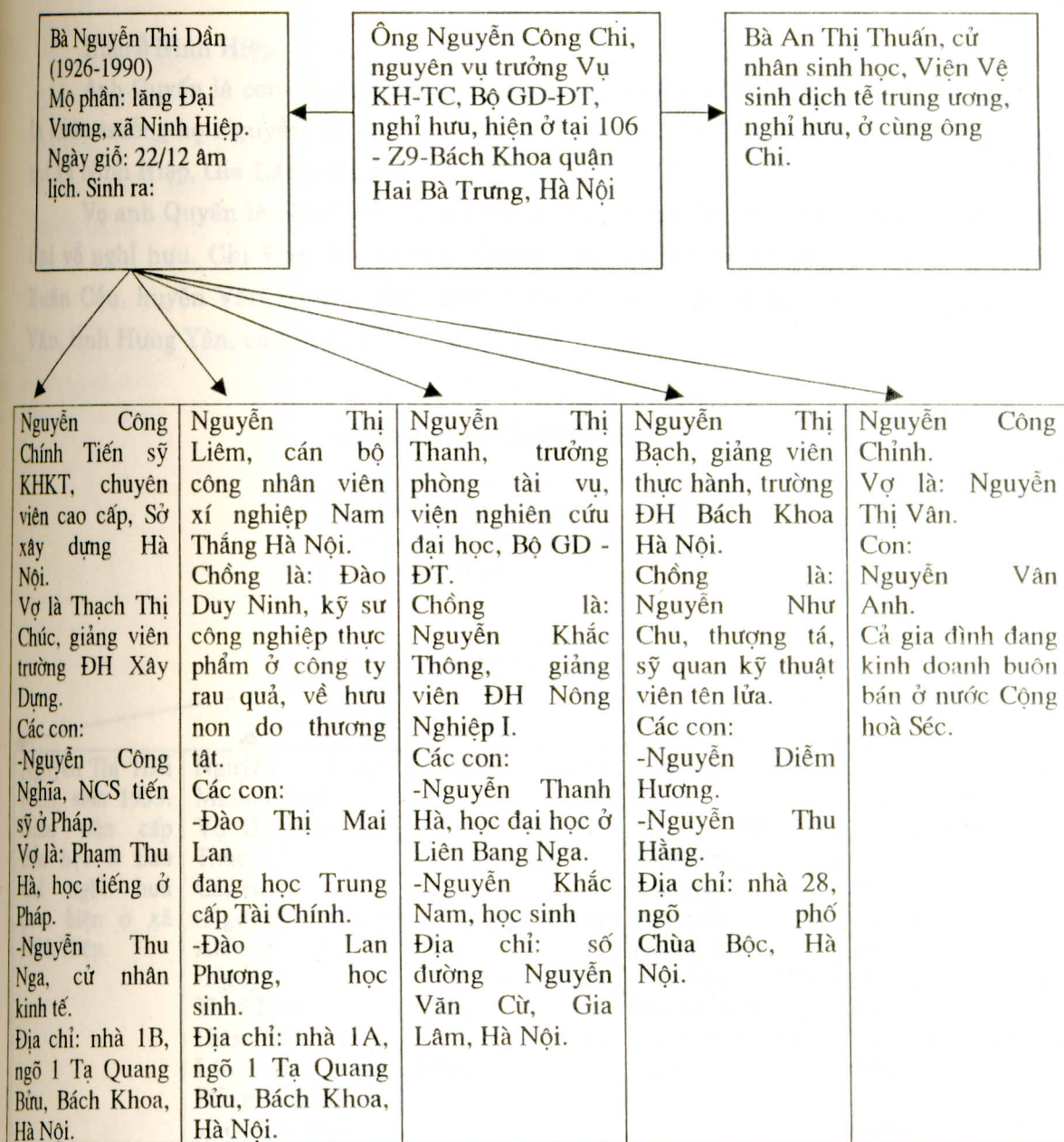
Ông Nguyễn Công Chi là con thứ tư của cụ Nguyễn Công Chức và bà Lê Thị Cầu.

Ông có hai bà vợ:

- Bà trước là Nguyễn Thị Dân, đã mất. Bà Dân là con cụ Nguyễn Bá Phát và bà Nguyễn Thị Miêu ở xã Ninh Hiệp, các cụ đều đã mất. Anh chị em ruột của bà Dân cũng đã mất cả, chỉ còn hàng cháu. Cháu trưởng là Nguyễn Bá Bình.

- Bà kế là An Thị Thuần, quê quán thôn Đa Quang, xã Di Ché, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Con cụ Lý Trưởng An Khắc Chúng và bà Phạm Thị Thuận. Các cụ đều đã mất. Hiện còn anh An Đình Tuyền, ở đường Trần Nhật Duật, Hà Nội và chị An Thị cần ở quê nhà.

Sơ đồ gia đình ông Chi.



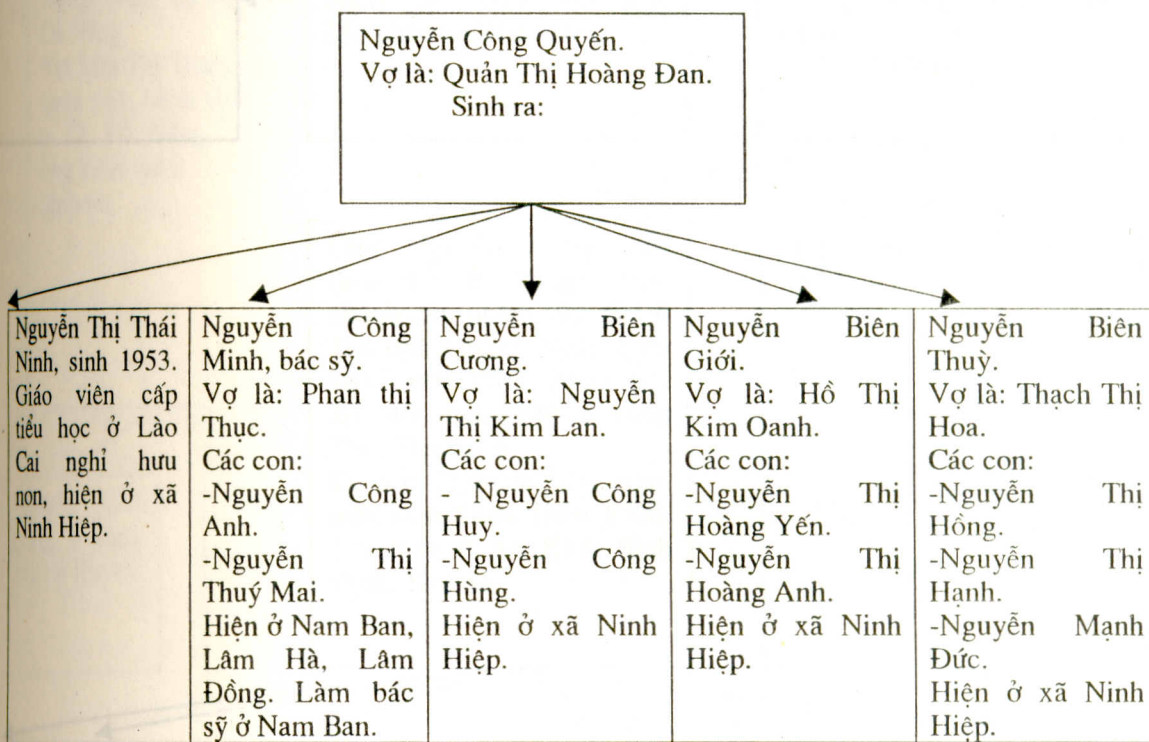
7. Anh Nguyễn Công Quyến

Hiện ở Ninh Hiệp.

Anh Quyến là con cả của ông Nguyễn Công Tuệ và bà Nguyễn Thị Hạt. Anh là cháu trưởng họ Nguyễn Công phía Bắc. Anh là cán bộ tỉnh Lào Cai về nghỉ hưu tại xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội.

Vợ anh Quyến là chị: Quấn Thị Hoàng Đan, nguyên công nhân viên tỉnh Lào Cai về nghỉ hưu. Chị Đan là con ông Quấn Văn Cò và bà Hoàng Thị Phẩm ở xã Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh cũ, nay là xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, cả hai ông bà đều đã mất.

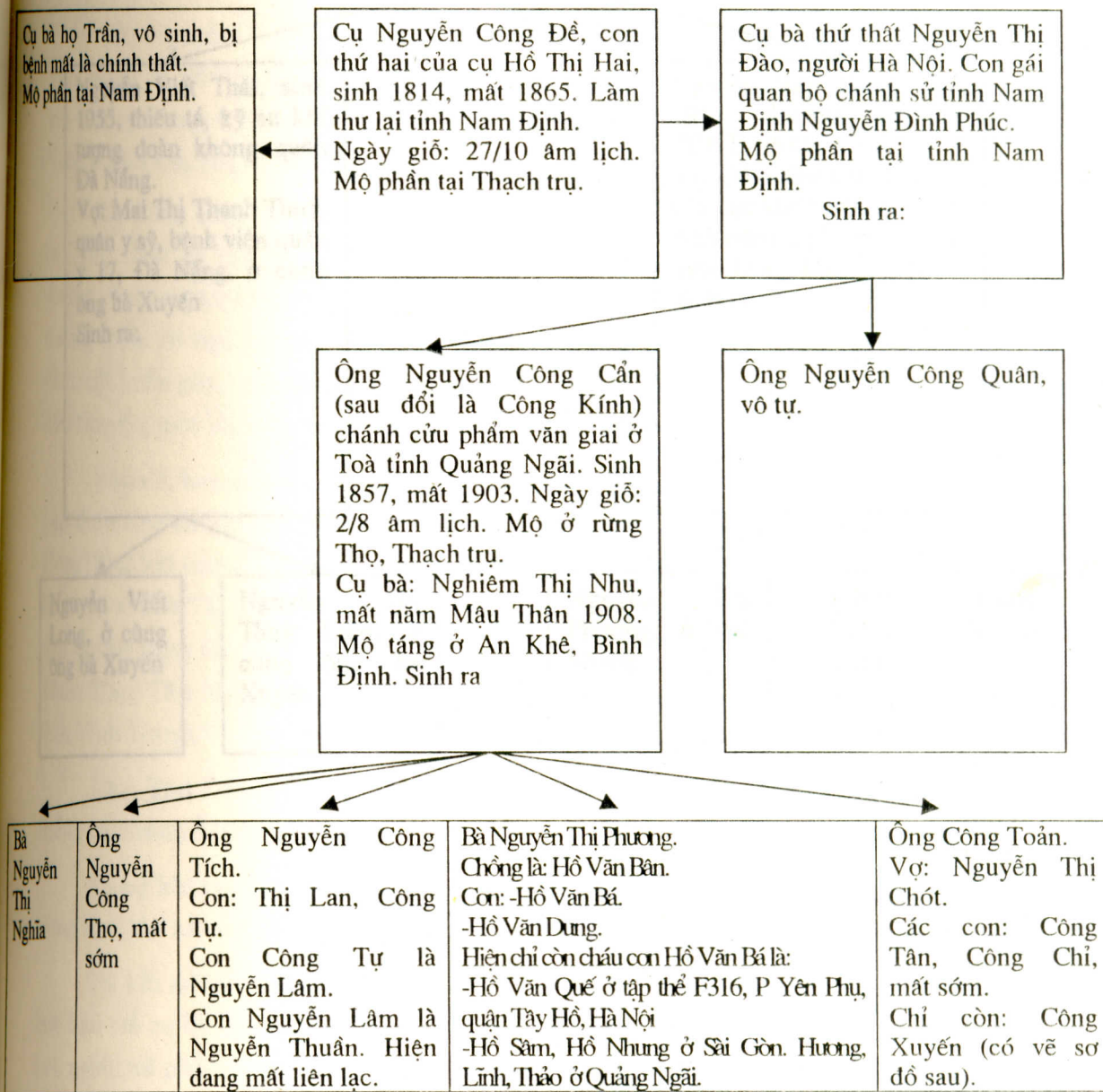
Sơ đồ gia đình anh Quyến



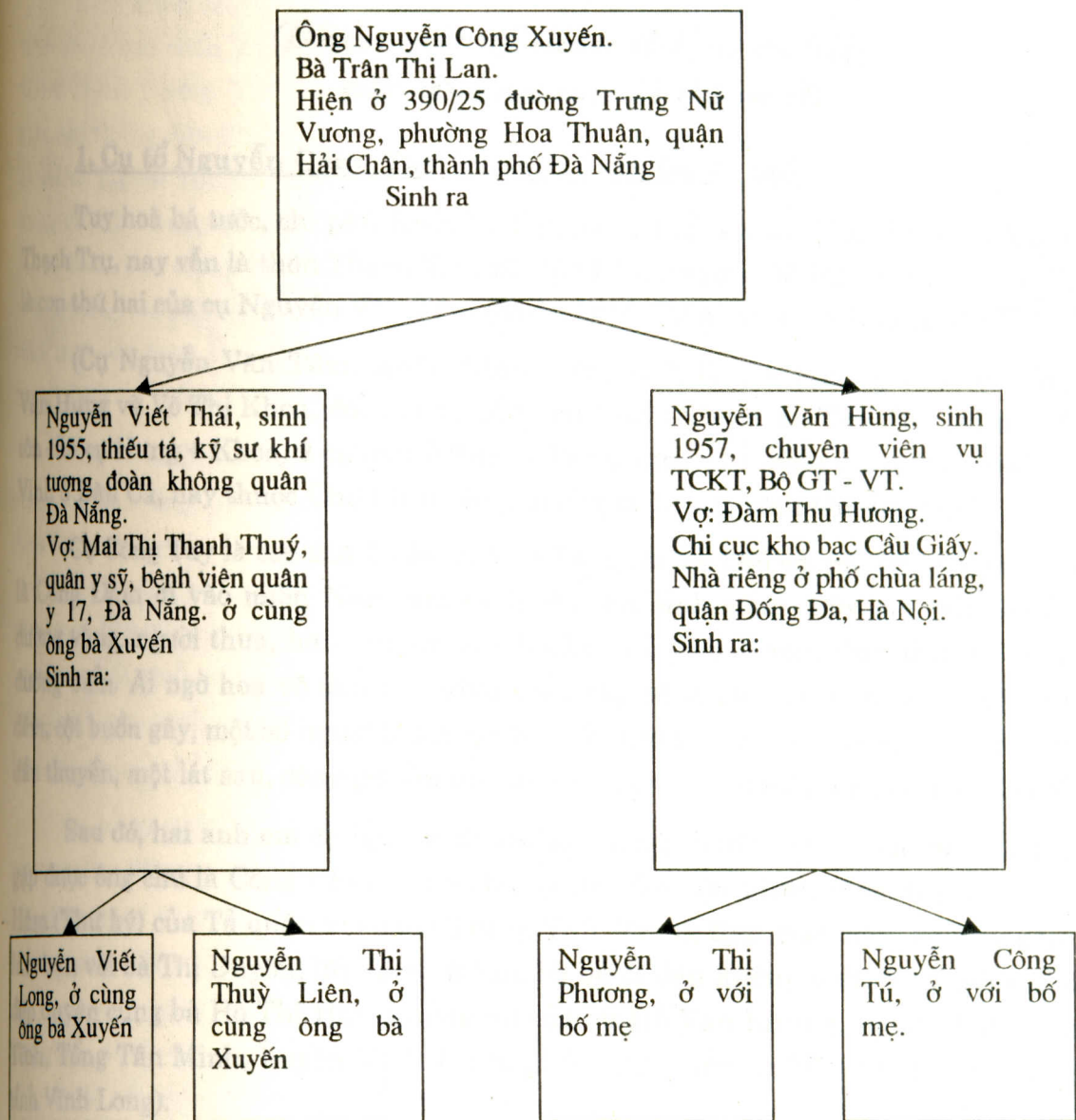
IV: Chi II cụ Nguyễn Công Đê.

Ông Nguyễn Công Xuyên, trung tá quân đội nhân dân nghỉ hưu là hậu duệ của cụ Nguyễn Công Đê. Hiện ở 390/25 đường Trưng Nữ Vương, phường Hoa Thuận, quận Hai Châu, thành phố Đà Nẵng. Tháng 4/2002 ông Xuyên mới tìm về Thạch trụ và Ninh Hiệp liên hệ với dòng họ. Anh Xuyên đã viết lại phả cụ Đê theo lời ông Xuyên trình bày như sau:

Sơ đồ chi cụ Đê



Sơ đồ gia đình ông Nguyễn Công Xuyên



Phần III

Phần viết về thân thế sự nghiệp của những người đã mất.

1. Cụ tổ Nguyễn Công Tuy (Nguyễn Công Quyển viết)

Tuy hoà bá tước, chi phủ Kiến Xương, lúc ít tuổi gọi là Công Hán, sinh ở thôn Thạch Trụ, nay vẫn là thôn Thạch Trụ, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, là con thứ hai của cụ Nguyễn Văn Tâm (Xuân Đình Tiên Sinh) và Hoàng Thị Trèo.

(Cụ Nguyễn Văn Tâm, Xuân Đình Tiên Sinh là con trưởng của cụ Nguyễn Văn Hưng và Võ Thị Khoa, đời thứ tư kể từ cụ thủy tổ Nguyễn Tấn Tài- là cháu đích tôn của cụ Hưng + Khoa, 2 cụ mất ở Thạch Trụ nhưng con cháu đã cát táng về Xuân Vinh ở Bàu Cá, nay thuộc Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi),

Cụ Công Tuy là con thứ 3 của cụ Văn Tâm, lúc bé khổ sở, mồ côi, cùng ông anh là Công Đàm đi vào miền Nam tìm cách làm ăn sinh sống. Bờ giờ thời loạn lạc, đường vắng, người thưa, hai anh em lén đi đến phủ Quy Nhơn, theo thuyền buôn đi đường biển. Ai ngờ hoạ vô đơn chí, giữa biển gặp sóng gió, tai nạn trải qua 3 ngày đêm, cột buồn gãy, một số người lo lắng, sắp chết. Chợt có một con chim vàng đậu trên đầu thuyền, một lát sau, sóng gió âm ỉm, mọi người dạt vào một bãi cát, mất thuyền.

Sau đó, hai anh em cụ lần mò đi xin ăn, hàng tháng mới tới thành Gia Định, gặp được ông chú là Công Chấm, mới cho ăn học đến lớn khôn, được tuyển vào Văn Hâm (Thư ký) của Tả quân với chức Trung Thủ. Trong thời gian này, cụ Tuy gặp và làm bạn với bà Thị Duyên, lấy nhau ít lâu, bà bỏ đi đâu không biết. Năm Bính Thìn, đẹp duyên cùng bà Hồ Thị Hai, trưởng nữ của cụ Hồ Văn Khang, người thôn Thanh Tĩnh, Tổng Tân Minh, huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Năm Tân Dậu, cụ được theo phụ giá đức Thế tổ cao Hoàng đế (vua Gia Long) thăng tới thành Thăng Long.

Trong khi ra Bắc, cụ có tạt về làng Xuân Vinh và bản quán là thôn Thạch Trụ, trong lúc tòng nhung vội vã chỉ được vái lạy phần mộ tổ tiên một lần đó mà thôi.

Tới khi ra Bắc thành khâm thọ Trung quân Thư ký, nhập tịch Bắc Việt, cụ lại làm bạn với cụ bà thứ thất tên là Thạch Thị Nhâm, con một vị sinh đồ (Tú tài Triều Lê), người xã phù Ninh, Tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Tứ Sơn, trấn Kinh Bắc (Bắc Ninh), nay là xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội.

Năm Gia Long thứ 18, cụ được thăng thụ Tri Phủ Kiến Xương, Tuy Hoà Bá Tước.

Năm Minh Mạng thứ 7 (Bính Tuất) dân hạt Ninh Giám là Đỗ Bá Vành, nhân năm đó có sao chổi, y gây loạn bằng cách ngu dân là có vua ra đời, y xưng là Ninh Giám Thiên Vương. Thế giặc mạnh đi đến đâu quan binh không thể chống lại, binh giặc kéo thẳng đến Phủ thành vây chặt 3 ngày. Cụ cùng quan đồng tri phủ Lê Công Dục Đức (người Thanh Hóa) chia phiên phòng thủ, ngày sửa thành, đêm tuần phòng xung quanh hàng rào. Giặc bắn tên vào như mưa. Cụ mặc chiến bào, đeo đoản đao, mang bầu rượu cùng 2,3 kiện nhi đi lại đầu thành, chửi trao phương pháp mà không trúng đạn. Khi viện binh tới, quân giặc mới lui. Giặc Vành quấy rối vùng ấy tới nửa năm mới bắt được tên đầu sỏ để giết (Bây giờ ở Bắc Kỳ có câu “trên trời có ngôi sao tua, ở dưới hạ giới có vua ba Vành”).

Sau năm Đinh Hợi giặc yên, vua Minh Mạng cho rằng quan lại Bắc thành chưa thuần lương (làm lành) hết, mới đặc sai quan Hình Bộ, Thượng Thư Hoàng Kim Sán sung chức Bắc thành Kinh lược Đại Sứ, đi đến đâu, quan lại đều lo sợ. Tới phủ Kiến Xương, cụ Tuy đang ngồi làm việc ở Công Đường, thất lễ đón rước bất ngờ nên quan khâm mạng chẳng bằng lòng. Chợt có người dân xã Bình Trật lên đầu đơn vụ không tội tình này khác, tình dân thật đáng sợ thay! Do đó quan Khâm mạng chẳng xét oan tình, cứ theo án luật, sau khi bỏ ngục, đưa cụ về giam ở tỉnh Nam Định từ năm Quý Dậu.

Cụ tổ tự nghĩ mình đã hết dạ thờ vua bấy lâu, dù chẳng xông vào tên đạn nhưng cũng đã cam khổ cũng như sỹ tốt, sau khi yên tán loạn mà có một chút lỗi lầm ghép ngay vào tội, chẳng đáng thương sao? Cụ mới viết thư để lại cho con cháu, có lời rằng “Hỡi các con Công Đề, Công Tiếp... ngày sau lớn lên, may học biết chữ nên chọn mấy nghề làm thuốc, cày ruộng thì chẳng mất lòng người, lương dân được thái bình, đó là nên lắm. Nếu như ra đời theo công danh thì bể hoà sóng gió chẳng lường được nổi chìm, như ta đây từng trải gian lao, mùi đời nếm đủ mà còn chẳng được trọn vẹn, hưởng chi là các con, hãy còn non nớt, chưa hiểu sự đời”.

Lại thêm lời dặn “ Nếu sau khi ta nhắm mắt, một gói xương tàn muốn chôn đâu cũng được, nếu có thể lo đưa về quê táng thì đưa về quê ngoài Thạch trụ thì nên lắm, còn quê cũ Xuân Vinh không đem về cũng được”.

Cụ mất giờ thân 18/10 năm Quý Ty (1833) tại Nam Định. Kể từ năm sinh Đinh Hợi đến năm Quý Ty, cụ thọ 67 tuổi.

Năm Minh Mạng thứ 18 (Đinh dậu), cụ tổ bà chính thất Hồ Thị Hai cùng con trưởng Nguyễn Công Thái phụng đem thi hài cụ về Thạch trụ chôn ở gò Thấu Xứ Đá Bạc. Đến năm Tự Đức thứ 11, Mậu Ngọ, lại rời về táng ở Xứ Gò Cây Gòn.

Năm 1987, tôi (Nguyễn Công Quyến) đã đưa ông Nguyễn Công Lương và con trai út ông Lương, Nguyễn Khánh Phan ở Sài Gòn về Quảng Ngãi tìm mộ, chỉ tìm được mộ cụ tổ bà chính thất Hồ Thị Hai, táng ở vườn nhà ông Ninh Lộc, Thạch trụ, không thấy mộ cụ tổ ông.

Mười năm sau, ông Huỳnh Cường (con bà Xum), cháu ngoại cụ Công Văn ở Thạch Trụ đi chạp mộ ở Thạch trụ mới phát hiện mộ cụ tổ ở An Định, Đức Phổ (khu vực rừng Thọ) và đầu năm 1998, tôi về quê nội đã cùng anh Cường đến xem bia thì đúng là mộ cụ tằng tại An Định do cụ Cần Nguyễn Công Thân rời từ Xứ cây Gòn, Thạch trụ về vào tháng 4 năm Thành Thái thứ 12.

Đầu năm 1999, ông Công Lương đã lo việc trùng tu, tôn tạo mộ cụ Công Tuy và cuối năm ấy, ông bà Công Lương đã về Thạch Trụ cúng giỗ cụ tổ ngày 18 tháng 10 âm lịch ở Thạch trụ cùng với cô bác, anh chị em con cháu phái thứ 3 tại nhà thờ phái 3 Thạch trụ.

2. Cụ Nguyễn Công Tiếp (Nguyễn Công Quyến viết)

Cụ là con trai thứ 2 của cụ phủ bà thứ thất họ Thạch (em cụ Công Thế) sinh năm Kỷ Tỵ (1059), mất ngày 1 tháng 4 năm Kỷ Mùi (1859), thọ 50 tuổi.

Cụ được phong Chánh Cửu phẩm, thư lại tỉnh Sơn Tây cũ. Cụ bà chính thất là Nguyễn Thị Năm (không rõ quê quán), vô sinh, sau đó ở chùa Bạch Thông (Bắc Cạn) khi cụ Công Hoàn làm Tri Châu Bạch Thông, cụ Năm mất ngày 13 tháng 5 âm lịch.

Cụ bà thứ thất Công Tiếp, sinh ra cụ Nguyễn Công Hoàn, không biết họ tên, quê quán. Cụ ông mất, cụ bà tái giá nên không thờ cúng.

Mộ phần cụ Tiếp không biết rõ ở đâu nhưng theo truyền lại thì khi ông Cần, Nguyễn Công Thân, ra Kinh lược Bắc Kỳ đã đưa hết hài cốt các cụ của họ ở Bắc về Thạch trụ, táng ở rừng Thọ.

Ở khu vực rừng Thọ mới tìm ra được mộ cụ tổ Công Tuy đầu năm 1998, còn các mộ khác: cụ tổ bà thứ thất họ Thạch, cụ Công Thế (chuyển từ Gia Định về) cụ Công Đề và cụ Công Tiếp đến nay chưa tìm ra vì rừng rậm rạp quá.

3. Cụ Nguyễn Công Hoàn (Nguyễn Công Quyến viết)

Cụ là con trai độc nhất của cụ Công Tiếp, hàm Cửu Phẩm, Tri châu Bạch Thông tỉnh Bắc Cạn.

Cụ làm bạn với cụ bà Nguyễn Thị Thông, con gái họ Nguyễn Văn ở Phù Ninh.

Cụ lập quán ở Phù Ninh cùng với cụ Nguyễn Công Kỷ (cụ Đội chuông) con trai thứ hai của cụ Công Thế.

Cụ Hoàn mất ở Bạch Thông lúc 47 tuổi đương chức. Thời gian ấy có cụ Nguyễn Khắc là Tri phủ Phủ Bình tỉnh Thái Nguyên, là bạn đồng hương Phù Ninh đã lo đưa cụ về táng ở Phù Ninh. Không biết trong thời gian làm quan, các cụ có đi lại với nhau, có đính ước gì không nhưng sau có cháu nội cụ phủ Phú Bình là ông Nguyễn Khắc Tuân (con trai thứ 2 cụ ấm Nguyễn Khắc Hoài) làm bạn với cô tôi (bà Nguyễn Thị Chất con gái đầu của bà nội kế tôi (Cụ Lê Thị Cầu).

Sau này lại có cháu ngoại họ Nguyễn Công (con ông bà Tá lấy con ông Khắc Thiệp (em ông Khắc Tuân) và ông Khắc Hiệp...)

4. Cụ bà Nguyễn Thị Thông (Nguyễn Công Quyến viết)

Cụ là con gái chi thứ 3 họ Nguyễn Văn. Cụ ông đi Tri Châu Bạch Thông, cụ bà ở nhà làm nghề canh củi rồi cụ buôn sợi. Cụ là người đã lo cưới mang, giúp đỡ nhiều cháu của anh chị thứ 2, thứ 3. Cụ là người trung hậu, thọ đến ngoài 80 mới mất, tóc cụ vẫn dài.

Cụ mất năm 1933 ngày 3/2 âm lịch.

5. Cụ Lý Thị Bắc (Đôi điều tôi biết về bà ngoại tôi - của Nguyễn Công Chi).

Bà ngoại tôi tên là Lý Thị Bắc, bà sinh năm Tân mùi (1971) mất năm Tân Mão (1951), hưởng thọ 80 tuổi. Ngày giỗ 15 tháng 11 âm lịch. Mộ phần cát táng tại nghĩa trang lăng Đại Vương, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Bà ngoại tôi là con cụ Chùm Lý Duy Thịnh ở xã Phù Ninh, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay là xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Bà ngoại tôi có các anh chị em ruột là:

- Cụ Cửu Huệ (cánh ông Dân Lê).
- Cụ Quế Hợi (cánh ông Bình, Diệp).
- Cụ Hương Sửu (cánh bà Hiền, bà Cón, bà Thân)
- Cụ bà Phó Vương (cánh ông Phó Diệt).
- Cụ bà Phó tác (cánh ông Cả Nhơn, ông Đồng Hưng, ông Bảo Hưng).

Ông ngoại tôi là cụ Tuấn án tỉnh Sơn tây Lê Huy Phan, người làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Ông ngoại tôi đến xã Phù Ninh mở trường Nghĩa Kiều dạy học chữ nho mới lấy bà ngoại tôi. Bà tôi chỉ sinh có một mình mẹ tôi vì khi ông ngoại tôi đi làm quan thì có bà phu nhân khác. Bà tôi giận nên không đi theo ông tôi. Bà tôi ở lại Phù Ninh làm ăn nuôi mẹ tôi. Khi mẹ tôi lấy bố tôi thì cả gia đình tôi đều ở với bà và sinh sống chủ yếu bằng gia sản của bà. Sinh thời, bà tôi là một nhà doanh nghiệp. Bà đã từng ký hợp đồng cung cấp mìn, băng, gạc cho nhà thương Phủ Doãn với số lượng lớn để phục vụ cho quân đội Pháp trong đại chiến thứ nhất. Bà đã thuê cả hai làng nghề là làng Rừng Mành và làng Tam Tảo thuộc huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh dệt cho bà. Bố tôi làm kế toán giúp bà.

Sau khi hết thầu thì bà buôn sợi về bán cho cả làng Phù Ninh (Ninh Hiệp) dệt vải vuông. Lúc đó cả làng đều dệt vải, nhà nào cũng có một vài khung cửi. Đàn bà con gái ai cũng biết dệt vải.

Bà quen biết nhiều nhà giàu ở Hà Nội. Họ có nhiều tiền muốn cho vay lãi nhưng không có người vay. Bà đã giúp một số bạn buôn bán ở làng cần vốn đến vay và bà đứng ra bảo lãnh (thời đó gọi là bầu chủ nợ). Thời ấy lãi vốn vay khoảng 3% thì chủ có tiền cho vay tặng lại bà 1%.

Nhờ kinh doanh phát đạt mà bà tôi đã tậu được khoảng 8 mẫu ruộng và làm được hai ngôi nhà ngói 5 gian 2 trai. Một nhà ở ngõ Gạo (xóm 3 bây giờ) và một nhà ở ngõ Dối, xóm Bồ (xóm 4 bây giờ).

Tôi còn nhớ trong một bài thơ của bố tôi viết tự cảm về mình có mấy câu nói về mẹ giàu như sau:

Mẹ giàu sẵn có xu tiêu khoẻ
Bạn tốt mời đi bạc đánh tràn
Phong lưu ra phết chàng công tử
Dầu chữa công danh thế cũng ngoan.

Trở về già, bà tôi nghỉ không kinh doanh nữa. Cả nhà chỉ sống bằng ruộng đất và dệt vải, làm chỉ đủ ăn, động đến chi tiêu lớn phải bán ruộng. Ruộng bán dần, đến khi cải cách ruộng đất chỉ còn 1 mẫu, 4 sào vào hợp tác. Nhà cũng bán đi một cái ở xóm Gạo. Đến nay chỉ còn lại một ngôi nhà ngói ở xóm 4 do anh tôi, Nguyễn Công Chí, được hương hoả. Anh tôi đã bố trí gia đình con anh tôi là Nguyễn Công Bảo ở. Đây là tài sản còn lại duy nhất của bà. Ai vào nhà này cũng đều nhớ đến bà.

Cụ Chúc có hai bà vợ:

- Bà trước là Nguyễn Thị Uyển, con gái đầu cụ cử nhân ở Hiệp Phù (xóm 9 xã Ninh Hiệp) Nguyễn Mộng Huyền. Bà Uyển sinh được anh tôi Nguyễn Công Tuệ. Bà bị bệnh mất sớm, lúc đó mới 26 tuổi.

- Bà kế là Lê Thị Cầu, con gái cụ tuần án tỉnh Sơn Tây là Lê Huy Phan và bà Lý Thị Bắc. Bà Cầu sinh được:

+ Chị tôi: Nguyễn Thị Chắt.

+ Anh tôi: Nguyễn Công Chí.

+ Anh tôi: Nguyễn Công Khoáng.

+ Tôi: Nguyễn Công Chi.

+ Em gái tôi: Nguyễn Thị Vũ.

Cụ Chúc học giỏi, được thầy yêu gả con gái cho là bà Nguyễn Thị Uyển. Cụ đã có một năm đi thi trúng được nhất trường nên thường gọi là cụ khoá Chúc. Sau kỳ thi này, triều đình nhà Nguyễn bỏ thi nho học. Cụ bị lỡ thời nên cụ đã làm bài thơ Lỡ Thì:

Trời đất sinh ta vốn lỡ thì

Học hành hơi khá đã thôi thi

Văn chương xếp số ai còn biết

Nghiên bút rêu rồi vút quách đi

Toan miếng tơ nha nhưng lại hao

Xoay nghề cai ký cũng không gì.

Ngẫm mình như thế mà hay đấy

Quan nhiều, dân phiền chẳng bận chi.

Sau khi bỏ thi chữ nho, cụ cũng quay sang học chữ quốc ngữ và chữ Pháp nhưng không thấy nói học ở trường nào. Có lẽ chỉ mua sách tự học thôi nên không đủ điều kiện làm cai ký (tôi có thấy một sổ sách tự học tiếng Pháp của cụ).

Bài thơ Lỡ Thì là cảnh buồn nhưng cụ vẫn tìm ra khía cạnh lạc quan trong hai câu kết luận của mình. Đó là tài làm thơ Đường có hậu của cụ.

Sau khi từ bỏ mộng làm quan nha, làm cai ký cụ lại có bài thơ cảm nhận mình trong tuổi 40:

Bốn mươi tuổi chần sức đang dai
Gánh nợ phong trần đã chắc vai
Mẹ đã già rồi con đã lớn
Trời còn rộng lắm đất còn dài
Trừ ma cớ bạc đầu tìm thuốc
Nhể nọc u mê khó kiếm gai
Bê, Á sông Âu cơn gió thổi
Vững tay cầm lái chớ thua ai.

Bài thơ này cụ suy nghĩ về thời cuộc và đường như suy nghĩ về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Bê, Á ý nói Nhật, sông Âu ý nói Pháp. Dựa vào Nhật để chống Pháp là đường lối của Đông Kinh Nghĩa Thục. Đông Kinh Nghĩa Thục chủ trương đưa thanh niên sang Nhật học. Có lẽ cụ cũng có mối quan hệ nào đó nên mới suy tính đến chuyện này. Nhưng rồi chuyện đó cũng không thành. Cụ chuyển sang nghề làm thầy lang thuốc đông y. Cụ lên xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên là nơi có ông chú của cụ là cụ Nguyễn Công Tự đã định quán ở đó. Cụ mở một cửa hàng thuốc lấy tên là Vĩnh Ninh Đường. Cụ dùng liền để đựng thuốc nên người dân ở đó thường gọi cụ là cụ lang liền.

Sau 3 năm mở hiệu, cụ có bài thơ sơ kết tình hình:

Ba năm mở hiệu Vĩnh Ninh
Cảnh buôn chưa thấy khác hình ngày xưa
Thuốc men bốc hầy còn thừa
Đô hàng buôn bán cũng vừa mà thôi
Thôi thôi học chữa đến rồi
Tĩnh y, nguyên phú biết đôi ba bài
May mà lắm khách vắng lai
Như dòng nước chảy hôm mai chẳng dừng.

Dựng xong cơ nghiệp này cụ đưa gia đình anh cả tôi là Nguyễn Công Tuệ lên ở đó kinh doanh. Cụ về Hà Nội mở thêm hiệu thuốc Thăng Ninh đường ở phố Hà Trung, Hà Nội. Cửa hiệu này cũng chỉ tồn tại được mấy năm thì cụ bỏ về quê tham gia công việc làng xã.

⊗ Thân Tới mức cụ Chử dạn lạn thư bốn cụ Hân
Như bát Thơ vịnh cái thiếu ông:
Miếng vịnh Tái To dọc mũi dài
Ngắm mình ra dáng vẻ cân đai
Gặp khi đó lúa cười khau khau
Cay mại ai, Tạng cũng mại ai

Nguyễn Nhìn ch
của cụ lúc nào
Cụ Bắc chỉ sin
thơ tả cảnh nà

chức dịch của
như những ng

Cụ gi
tiếp tục để ng
lần thứ 3. Cụ

Tình th

Bạn bè

Việc cụ

sau:

1. Cụ C
cụ Hân đều là
thường, nhưn
ông Nguyễn H
Hy có nhờ Tri
tìm được cụ C
đã ra tận cốn
Hậu. Từ đó cụ

2. Cụ C

Cụ Ch
không thành
Cụ chỉ khao b
cụ cũng chỉ c
Tổng ăn khao
chùa cả, hội
trì. Mặc nhiê
đặc biệt.

3. Việc

Cụ Ch
nên các kỳ h
và trình độ

Nhìn chung, việc làm kinh tế của cụ không được phát đạt nhưng cuộc sống của cụ lúc nào cũng phong lưu. Vì cả nhà tôi đều sống với bà ngoại tôi là Lý Thị Bắc. Cụ Bắc chỉ sinh được một mình mẹ tôi, lại là người giàu có trong làng. Cụ đã có bài thơ tả cảnh này. Tôi còn nhớ được 4 câu là:

Mẹ giàu sẵn có xu tiêu khoẻ

Bạn tốt mời đi bạc đánh tràn

Phong lưu ra phết chàng công tử

Dầu chưa công danh thế cũng ngoan.

Bạn bè thường nói đùa với cụ “ông là con chuột (tuổi Tý) sa vào chính gạo”.

Việc cụ tham gia vào công việc làng xã, tôi còn nhớ một số chuyện về cụ như sau:

1. Cụ Chúc làm bạn với quan Tri phủ Từ Sơn Thân Trọng Hậu. Cụ Chúc và cụ Hậu đều là nho học. Việc làng nho quen biết và kết bạn với nhau là chuyện bình thường, nhưng quan phủ mà kết bạn với dân trong bản hạt là rất hiếm. Nguyên là ông Nguyễn Hy là quan tổng đốc tỉnh Thanh Hóa ra chấm thi Tú Tài ở Hà Nội. Ông Hy có nhờ Tri phủ Từ Sơn tìm hộ cụ Chúc và mời cụ Chúc đến chơi với ông. Cụ Hậu tìm được cụ Chúc và dẫn cụ Chúc đến gặp ông Hy. Ông Hy được báo là cụ Chúc đến đã ra tận cổng sở đón, chào hỏi rất lễ phép và xưng hô chú cháu ngay trước mặt cụ Hậu. Từ đó cụ Hậu kính nể cụ Chúc và trở thành thân tình với nhau. ☺

2. Cụ Chúc là Bình văn hàng tổng.

Cụ Chúc đã có thời kỳ làm thư ký hộ lại nhưng không có khao vọng nên không thành danh. Ngày xưa làng ta có lệ: “phi khao vọng bất thành danh phận”. Cụ chỉ khao bình văn nên người ta chỉ gọi cụ là cụ Bình. Thực ra chúc bình Văn của cụ cũng chỉ có Thượng thôn Phù Ninh bầu nhưng do cụ tổ chức khao vọng, mời cả Tổng ăn khao nên cả Tổng Hạ Dương đều gọi là cụ Bình. Những lễ hội lớn như hội chùa cả, hội vật ở đình Phù Ninh, lễ cầu đảo của cả tổng v.v cụ đều được mời chủ trì. Mặc nhiên cụ trở thành Bình văn hàng tổng. Thật là một cách mở danh tiếng đặc biệt.

3. Việc chạy cho ông Nguyễn văn ^{Lâm} Tuấn [✓] chánh Tổng.

Cụ Chúc là người có học vấn, lý sự sắc bén, lại là bạn thân của quan tri phủ nên các kỳ hào chúc dịch các xã trong Tổng Hạ Dương đều kính nể. Dựa vào uy tín và trình độ hiểu biết về luật pháp, cụ đã làm được việc rất lớn là: chạy cho ông

Nguyễn Văn Tuấn từ một bạch đình, chưa hề làm chức dịch gì ở xã trở thành chánh Tổng.

Trong việc này cụ có cách làm rất hiệu quả là: cụ lập sẵn biên bản bầu cử và viết thành nhiều bản nhưng không đề ngày. Cụ mang biên bản đến từng nhà các chức dịch của 6 làng trong Tổng mua chữ ký bầu cử của cho họ vào biên bản. Hình như những người bầu lúc đó được biểu 5\$ Đông Dương.

Cụ gửi biên bản lên tỉnh lần thứ nhất bị bác và bắt bầu lại lần thứ hai. Cụ tiếp tục đề ngày vào biên bản ký sẵn gửi lần thứ 2. Lần thứ hai cũng bị bác, bầu lại lần thứ 3. Cụ lại tiếp tục đề ngày vào những biên bản đã ký trước gửi đi lần thứ 3. Tỉnh thấy 3 lần bầu cử đều thống nhất như nhau nên đành phải chấp thuận.

4. Việc chạy án cho cụ phó Hậu (mẹ tôi kể với cụ Nắp)

Cụ Hậu là một trong hai tướng của cụ Đề Thám ở Phù Ninh (việc này tôi đã có dịp gặp bà Hoàng Thị Thế, con gái cụ Đề Thám hỏi. Bà Thế trả lời ở Phù Ninh có hai tướng nhưng không rõ tên). Cụ Hậu mắc sai lầm là đã rạch miệng một người làng nói xấu quân Đề Thám. Khi Đề Thám thất bại, người này đã tố cáo với quan phủ Từ Sơn. Cụ Chúc đã bàn với quan phủ chuyển thành án ăn cướp nhưng chưa gây hậu quả lớn và chỉ phạt tiền thôi.

5. Việc chống lại phái viên của tỉnh về kiểm quỹ của xã. Cụ Trọng Thân giữ quỹ của xã. Cụ vừa vay tiêu hết tiền trong quỹ thì tỉnh cử phái viên xuống đột xuất kiểm quỹ. Cụ Thân hỏi ý kiến cụ Chúc. Cụ Chúc bảo cụ Thân trốn đi để cụ tiếp phái viên. Cụ Chúc đại diện cho xã tiếp phái viên của Tỉnh. Cụ Chúc nói với phái viên của tỉnh là “quan về không báo trước nên thủ quỹ đi vắng, mang theo chìa khóa kết đi rồi”. Phái viên đòi phá kết, cụ Chúc nói “phá kết là việc rất quan trọng phải có lệnh của tỉnh, quan muốn phá thì xin cho lập biên bản trước khi phá để nếu có điều gì xảy ra thì quan phải chịu trách nhiệm”. Phái viên không có lệnh phá kết nên đành phải rút lui.

Qua những câu chuyện trên thấy rằng cụ tuy không làm quan nhưng năng lực ứng phó trong chốn quan trường của cụ là rất đáng khâm phục.

Viết tại Hà Nội tháng 3 năm 2003

Con của cha: Nguyễn Công Chi kính bút.

7. Cụ Nguyễn Thị Uyển (Nguyễn Công Quyển viết).

Ông nội tôi lên làm thuốc ở Thổ Tang, Vĩnh Tường, bà nội tôi cùng ở đó buôn bán. Theo kể lại cụ đi buôn tận Lào Cai, và rất táo bạo buôn cả hàng cấm và có rất nhiều thủ đoạn mưu mẹo chót lọt. Nhưng cụ đoản mệnh, mất ngày 26 tháng 10 năm âm lịch lúc mới 26 tuổi. Khi mất bà đang mang bầu (không biết là cô hay chú). Cụ ngoại tôi (cụ Cừ) coi địa lý nên bà được táng ở một xứ đồng gần chùa Núc cũ trong khi nhiều người trong làng và trong gia đình tôi đều táng ở Bãi Xộp, thổ lang lúc bấy giờ (nay là trường học của làng). Khi di dời các cụ về lăng Đại Vương, bà nội tôi cũng được cải táng đưa về quy tụ ở Lăng, hài cốt rất tốt.

8. Đôi điều tôi nhớ về mẹ tôi: Bà Lê Thị Cầu (Nguyễn Công Chi viết).

Mẹ tôi tên là Lê Thị Cầu, sinh năm Nhâm Thìn (1892), mất ngày 8 tháng riêng năm Ất Mùi (1955) thọ 63 tuổi. Bà bị chết đuối khi đi thăm đồng trở về rửa chân ở cống 3 của không may bị sa chân xuống mương. Khi có người biết đến thì đã chết rồi.

Mộ phần cát táng tại nghĩa trang lăng Đại Vương, xã Ninh Hiệp, ngày giỗ 8 tháng giêng.

Mẹ tôi là con quan tuần án tỉnh Sơn Tây Lê Huy Phan và cụ bà Lý Thị Bắc. Trước khi đi làm quan, ông ngoại tôi mở trường Nghĩa Kiều dạy học chữ nho ở Phù Ninh nên mẹ tôi cũng được học ít nhiều chữ nho. Tôi còn nhớ khi tôi đi học chữ nho cụ đồ Cầu, cụ đồ viết sai chữ tên của tôi, bà đã phát hiện và đề nghị thầy viết lại.

Mẹ tôi sinh hạ được 5 chị em chúng tôi là:

Chị tôi: Nguyễn Thị Chắt (đã mất)

Anh tôi: Nguyễn Công Chí

Anh tôi: Nguyễn Công Khoáng (mất sớm, chưa có con)

Tôi: Nguyễn Công Chi

Em gái tôi: Nguyễn Thị Vũ (Hìn)

Sinh thời, bà chỉ buôn bán nhỏ, buôn vải vuông ở làng, đi bán lẻ ở các chợ xa làng như: Chợ Sủi, chợ Dâu, chợ Keo, chợ Đường Cái... ở phía đường số 5. Khi bà đã có tuổi rồi thì nghỉ buôn bán ở nhà dệt vải và làm ruộng. Công việc làm ăn của bà thì không có gì đặc biệt, nhưng đức tính của bà thì có những nét khác người mà con cháu đời sau nên học:

1. Dân làng ta nhiều người hay nói tục nhưng bà không bao giờ nói tục. Con cháu không biết nói tục như có lần tôi dùng từ “nói phét” thì bà uốn nắn ngay là “nói khoác”.

2. Đối với con cháu có sai sót, bà từ tốn khuyên giải chứ không mắng, chửi, đánh đập bao giờ. Đặc biệt bà rất thương con dâu. Con dâu nào cũng yêu mến bà. Bà có quan niệm: con gái là con người ta, con dâu mới là con nhà mình.

3. Bà luôn giữ đạo hoà thuận ở trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Nói năng từ tốn, lễ phép, kính trọng người trên, nhường nhịn kẻ dưới. Bà không hề to tiếng, giận dữ với ai. Dân làng ai cũng mến, gọi bà là người hiền lành.

4. Bà cũng rất thương người nghèo khổ. Năm 1945, nạn đói hoành hành, ăn mày rất nhiều. Tôi chưa bao giờ thấy bà từ chối, không cho người đến xin ăn.

5. Bà luôn quan tâm đến việc học hành của các con. Con trai, con gái bà đều cho đi học trường làng. Con trai học hết trường làng thì đỗ sơ học yếu lược, đều được cho đi học trường huyện. Thời ấy cho con đi học được như vậy cũng là hiếm có ở làng.

Tưởng nhớ bà, các con cháu của bà sẽ theo đòi nét đức của bà.

Viết tại Hà Nội tháng 3 năm 2003

Con của mẹ

Nguyễn Công Chi kính bút.

9. Ông Nguyễn Công Tuê (Nguyễn Công Quyến viết)

Cha tôi sinh năm 1910.

Lúc nhỏ học chữ nho và quốc ngữ đến sơ học yếu lược. Cha mẹ tôi theo ông nội tôi lên làm thuốc ở Thổ Tang, Vĩnh Tường rồi nối nghiệp ông nội tôi làm thuốc ở Thổ Tang hơn 50 năm.

Sau khi ông nội tôi mất, nhà của cụ tôi để lại phải cho người ở nhờ trông nom. Các cô chú tôi đều ở nhà cụ ngoại (cụ Bắc) với bà nội kế tôi.

Thấy tôi kế tục sự nghiệp làm thuốc của ông tôi với hiệu Vĩnh Ninh Đường ở Thổ Tang, phủ lý Vĩnh Tường. Đầu thập kỷ 40 của thế kỷ 20, cha tôi lao vào cờ bạc (sóc đĩa) đi đến gia tài khánh kiệt phải bán đi căn nhà của các cụ để lại ở ngõ Gạo, Phù Ninh, thôn Thượng.

Cùng thời gian này, cha tôi đã về quê nội Thạch Trụ, Mộ Đức, Quảng Ngãi rồi được cụ Nguyễn Công Hy lúc ấy là Chánh án Tòa Thượng Thẩm (Huế) triều Nguyễn

thời Bảo Đại mời vào chơi, ở với bác Hy một tháng, đi các nơi, hầu thăm bà Mạng (mệnh phụ phu nhân Nguyễn Công Thân, thân sinh ra bác Hy) và hầu thăm cô Nguyễn Thị Liễu (con gái cụ Nguyễn Thân) vợ vua Thành Thái.

Sai khi ở Huế với cụ Hy, về Bắc cha tôi lại tiếp tục mở hiệu làm thuốc lấy tên là Ich Nguyên ở phủ Vĩnh Tường (Thổ Tang). Sau cách mạng tháng 8, cha tôi đã tham gia chính quyền đại phươg làm uỷ viên Uỷ ban hành chính xã Thổ Tang một khóa và vẫn làm nghề thuốc Đông y.

Sau hoà bình lập lại ở Đông Dương (1954) vẫn làm nghề thuốc và được mở công ty hợp doanh thuốc bắc ở phố huyện Vĩnh Tường một thời gian, cho đến năm 1958 được đi học tập cải tạo tư sản.

Sau đó vẫn tiếp tục làm nghề thuốc ở Thổ Tang, đến giữa thập kỷ 60 thế kỷ 20, địa phương mới ra trạm y tế xã Thổ Tang phục trách về đông y của trạm xá xã; làm việc ở trạm xá xã liên tục cho đến khi lâm bệnh (cuối năm 1981); điều trị không thể qua khỏi nên trung tuần tháng 12/1981 đưa cha tôi về quê Phù Ninh được hai tuần thì cha tôi mất lúc 0h25' ngày 12 tháng Chạp năm Tân Dậu tức 6/1 năm 1982.

Sở dĩ ông nội tôi lên làm thuốc ở Thổ Tang là do ở Thổ Tang còn một phái thứ 6 là cụ Nguyễn Công Tự (em cụ Công Tiếp, cùng mẹ là cụ tổ bà họ Thạch) đỗ tú tài làm dạy học ở Thổ Tang; có con là cụ Công Thiệu làm phó lý nhưng cụ Thiệu chỉ có một ông con trai là Công Toàn lại mất sớm, còn hai bà con gái. Hiện nay còn chút ngoại không đi lại gì với Phù Ninh.

Do phái cụ Công Tự ở Thổ Tang đến đời thứ 3 thì vô tự nên cha tôi đã cúng giỗ các cụ: 2 cụ Công Tự, Công Thiệu (ông Công Toàn mất sớm, không biết ngày tháng năm nào). Hiện nay tôi vẫn kế tục cúng giỗ các cụ ở nhà thờ họ Nguyễn Công ở Phù Ninh.

10. Ông Nguyễn Công Khoáng (Nguyễn Công Quyến viết)

Ông Khoáng là người giống cụ Bình nhất cả từ tầm vóc đến dáng đi.

Lúc nhỏ ông học ở trường làng sau sang Đình Bảng học tiếp hết tiểu học. Ông làm bạn với bà Nguyễn Thị Kỳ (con gái cụ Hương Am) rồi lên Động Anh với cụ Hương Am học và bán hàng thuốc Đông Y.

Chưa có con thì ông lâm bệnh và mất lúc 20 tuổi. Bà Kỳ tái giá rồi cũng mất.

11. Hồi tưởng về vợ tôi: bà Nguyễn Thị Dân (Nguyễn Công Chi viết).

Tên bà là Nguyễn Thị Dân.

Hiệu bụt: Diệu Thìn.

Sinh năm: Bính Dần (1926).

Mất ngày 18 tháng 1 năm 1990 tức ngày 22 tháng Chạp năm Kỷ Tỵ, hưởng thọ 64 tuổi.

Mộ phần cát táng tại nghĩa trang làng Đại Vương, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Bà là con út của cụ Nguyễn Bá Phát và bà Nguyễn Thị Miếu.

Bà có các anh chị em ruột là:

Anh cả: Nguyễn Bá Bút (cánh anh Bình, chị Sáu, chị Bội)

Anh hai: Nguyễn Bá Thâm (cánh chị Thịnh, chị Vượng)

Anh ba: Nguyễn Bá Nhâm (cánh anh Lâm, anh Sơn, anh Thuỷ, chị Trung) *anh Nhâm*

Và một người chị có chồng là ông Thi. Chị bị cảm chết trẻ, không có con. Chết trước khi tôi lấy bà Dân nên tôi không biết mặt.

Tất cả bố mẹ và anh chị em bà Dân đều đã mất.

Bà Dân sinh được 5 người con:

- Nguyễn Công Chính, tiến sỹ KHKT, chuyên viên cao cấp, Sở xây dựng Hà Nội.
- Nguyễn Thị Liêm, cán bộ trung cấp kỹ thuật xí nghiệp Năm Thắng.
- Nguyễn Thị Thanh, trưởng phòng tài vụ, Viện đại học.
- Nguyễn Thị Bạch, cán bộ giảng dạy thực hành, trường Đại học Bách Khoa.
- Nguyễn Công Chính, đang kinh doanh ở Cộng hoà Séc.

Sinh thời, bà là một phục nữ đẹp người, đẹp nết và rất đảm đang.

Vợ chồng lấy nhau từ năm 1946, tức là năm khởi đầu cuộc chiến tranh chống Pháp. Lúc đó tôi là cán bộ địa phương của huyện Từ Sơn, phụ trách Tổng Nghĩa Lộ. Lễ cưới hôm trước thì hôm sau tôi đã xa nhà. Sang năm 1947, chiến sự đã lan tới cầu Đuống. Cả Tổng Hạ Dương nằm trong tuyến phòng ngự của Đại đội Lương Thịnh mới từ Việt Bắc trở về. Để phối hợp quân dân ở tuyến phòng ngự này, huyện nhập các xã thuộc Tổng Hạ Dương (trong đó có xã nhà) thành một xã lấy tên là xã Năng Hạ. Tôi vốn là cán bộ Việt Minh phụ trách Tổng Hạ Dương từ năm 1945 nên được điều về phụ trách dân vận xã. Nhờ đó vợ chồng có thời gian gần nhau từ năm 1947 đến năm 1950 và đã có hai lần sinh đẻ: một lần thai ra ngược, con trai bị chết ngay khi sinh. Lần thứ hai đẻ sinh đôi hai trai nhưng đứa ra sau cũng bị chết ngay khi sinh. Tuy sống chung với nhau nhưng vì tôi hoạt động cách mạng nên cũng chẳng giúp gia đình được việc gì.

Đến tháng 8/1950, tôi được Tỉnh Đảng Bộ Bắc Ninh điều vào quân đội. Lúc đó con tôi mới được 6 tháng và mẹ tôi cũng ở với gia đình nhà tôi. Vợ tôi đã đảm đang buôn bán thuốc bắc từ vùng địch hậu ra cùng tự do, kiếm đủ tiền nuôi mẹ già, con nhỏ và còn chi viện thêm cho tôi. Từ ngày ra đi cho đến ngày hoà bình tháng 7/1954, tôi không được về nhà lần nào vì địch đóng đồn ở trong làng. Vợ chồng chỉ gặp nhau được một số lần ở địa điểm đóng quân trong khu du kích và ở vùng tự do do vợ tôi tìm đến. Số lần gặp nhau tuy ít (4 năm chỉ gặp khoảng 8 lần) nhưng mỗi lần gặp nhau là rất cảm động vì vợ tôi không quản nguy hiểm đi qua vùng địch kiểm soát để đến với tôi. Ngay ở trong khu du kích với tôi cũng không phải yên tĩnh, địch thường hay bắn pháo vào hoặc cho quân càn quét. Rõ ràng, tình yêu của vợ tôi đã chiến thắng mọi hiểm nguy, gian khổ.

Từ sau ngày hoà bình lập lại (tháng 7/1954) đến năm 1966, tôi vẫn đi công tác không ở nhà, nhưng ở Hà Nội nên tuần nào tôi cũng về. Chính trong thời gian này chúng tôi đã có thêm 4 người con nữa (không kể thằng Chân bị bệnh chết lúc 18 tháng). Thời gian này vợ tôi làm ruộng. Chỉ có mình vợ tôi là lao động chính phải nuôi 5 con nhỏ và một mẹ già. Tôi đi làm việc chỉ có số tiền lương ít ỏi gửi về giúp gia đình nhưng cũng không đáng kể. Vợ tôi mới thực sự là người nuôi sống cả gia đình.

Từ tháng 6/1966, tôi mang cả gia đình đi theo trường ĐH Xây Dựng. Vợ tôi trở thành công nhân in ấn giáo trình cho trường. Lúc này cả gia đình đều sống bằng tiền lương và tem phiếu do nhà nước cấp. Tôi là một cán bộ lãnh đạo đơn vị, ít có thời gian chăm lo gia đình. Mọi việc nội trợ trong gia đình và chăm sóc con cái vẫn do vợ tôi chăm lo cả. Bà luôn duy trì được nếp sống vui vẻ và hạnh phúc trong gia đình. Trong nhà chỉ có tiếng nói, tiếng cười chứ không bao giờ có tiếng gắt gỏng nhau, mặc dầu cuộc sống vật chất còn rất khổ.

Bà có một câu nói khá hay về người phụ nữ “người đàn bà nào gặp được chồng, được con tốt thì sướng, người nào gặp chồng con không tốt thì đảm đang mấy cũng khổ”. Có lẽ từ quan niệm đó mà bà luôn chiều chồng, thương con. Bà là người chiều chồng có tiếng trong các bạn bè của bà ở khu tập thể. Bà cũng luôn ca ngợi tôi là người chồng đúng đắn.

Vào khoảng năm 1987, các con đã trưởng thành. Chúng đã có gia đình, có việc làm và ở riêng. Chỉ còn con út chưa lấy vợ nhưng nó còn đang đi học ở Tiệp Khắc. Gia đình chỉ còn hai ông bà, tiền lương cũng đủ ăn. Đây là lúc thanh nhàn nhất nhưng bà có hưởng được bao lâu. Đầu năm 1990 bà đã qua đời.

Ngày nay, cuộc sống thực tế khiến tôi phải có thêm người bạn đời khác nhưng tôi không quên những ngày đã sống cùng bà. Tôi viết lại cuộc sống thực tế của bà vào gia phả để đời sau được biết.

Viết tại Hà Nội tháng 3 năm 2003

Chồng của bà

Nguyễn Công Chi hồi tưởng.

12. Bà Chí Thành (Nguyễn Công Chi viết).

Tên thật của bà là Thạch Thị Gái.

Bà sinh năm Kỷ Mùi (1919), mất năm Nhâm Ngọ (2002) hưởng thọ 84 tuổi.

Hiệu bụt: Diệu Trinh.

Mộ phần táng tại nghĩa trang lăng Đại Vương, xã Ninh Hiệp.

Bà là con cụ Lãi Độ ở xóm 4 xã Ninh Hiệp (mất đã lâu). Bà chỉ có một người anh trai là Thạch Văn Xuân (đã mất, có các con Tuấn (đã mất), Tổ và Sơn).

Chồng bà là Nguyễn Công Chí

Bà sinh được 9 người con:

- Nguyễn Thị Diệp, sản xuất nhỏ.
- Nguyễn Công Dũng, sinh viên đi thanh niên xung phong, bị bom chết.
- Nguyễn Công Hùng, kỹ sư xây dựng, cán bộ nghỉ hưu.
- Nguyễn Công Cường, kỹ sư xây dựng, cán bộ nghỉ hưu.
- Nguyễn Công Đảm, kỹ sư xây dựng, cán bộ đương chức.
- Nguyễn Thị Loan, *Tiến* sỹ, nhiều lần thực tập sinh ở nước ngoài.
- Nguyễn Công Bảo, sản xuất, kinh doanh quần áo may sẵn.
- Nguyễn Công Hoan, trung tá quân đội, cán bộ giảng dạy Học viện Ngân hàng.
- Nguyễn Thị Tâm, y tá bệnh viện Xanh Pôn.

Các con của bà đều được bà nuôi ăn học đến hết khả năng học tập của mình. Bà đã có 21 cháu nội ngoại và 5 chắt nội, ngoại.

Sinh thời bà là một phụ nữ đẹp và sắc sảo, có tài kinh doanh, buôn bán. Bà đảm đang mọi việc từ kinh doanh đến nội trợ trong gia đình. Các con của bà cũng ít nhiều học được phong cách làm ăn của bà. Người nào cũng biết kinh doanh buôn bán nên đại bộ phận con cái đều khá giả dù vẫn làm việc nhà nước.

Phần IV

Mộ phần của dòng họ Nguyễn Công

ở phía Bắc và phía Nam.

(Nguyễn Công Quyển viết)

I. Quảng Ngãi, ở chợ Chùa.

1. Mộ cụ thủy tổ Nguyễn Tấn Tài, táng ở Bàu Sen, Xuân Vinh, nay là chợ chùa huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mộ song táng hai cụ Nguyễn Văn Hưng và Võ Thị Khoa (cụ Văn Hưng sinh cụ Văn Tâm, cụ Văn Tâm sinh cụ Công Tuy), táng ở Bàu Cá, chợ Chùa.

Ba ngôi mộ này vẫn có người kế tục, trông nom từ xa xưa đến nay (cha truyền con nối), hiện nay người trông nom là ông A Trung, ở Đội 10, Hợp tác xã Bình Phú, thị trấn chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (cách thị xã Quảng Ngãi 10 km). Giữa năm 1998, ông bà Công Lương ở USA đã xây cất, tôn tạo.

II. ở Phú Thọ, núi Thạch Sơn.

Có mộ cụ Công Lăng, con út của cụ Cần Công Thân - các con cháu cụ Cần: ông bà Hai Vỹ, các ông Công Tri, Công Uyển, Công Chi... Anh Công Cường (em ruột Công Lương, con trai thứ hai ông Công Hy) và nhiều con cháu khác.

Dưới chân núi có Dinh Thạch Trì của bà mệnh phụ phu nhân Nguyễn Thị Định (mẹ ông Công Hy) ở phía sau dinh là lăng mộ bà.

Ở Thạch Sơn trước có chùa Sắc Tú Từ Lâm của ông 13 Công Tăng, nhưng hiện nay chùa không còn, đất làm trường học nhưng vẫn còn cổng chùa cũ và một tháp của ông Tăng Cang nhưng khi ông viên tịch lại không đưa về táng ở đây vì xa quá. Ông được xây tháp và táng ở chùa Vĩnh Đức Thủ Thiêm.

Ở bên kia sông còn có mộ của cụ bà sinh ra ông Hai Vỹ và mộ ông chín Nguyễn Công Phi. Khu vực này trước là nghĩa trang riêng của họ Nguyễn Công (chi phái ông Cần Nguyễn Công Thân) nay đã là nghĩa trang chung của địa phương.

Hiện nay có vợ anh Công Huân con trai bác Hai Vỹ ở cạnh dinh Thạch Trì cũ cùng hai con trai chị là Trứ và Măng trông nom cùng với Nguyễn Kiên, con trai anh Công Cự, đích tôn của ông Hai Vỹ ở 49 Phan Chu Trinh, thị xã Quảng Ngãi.

Hiện nay, việc trông nom mồ mả, ông bà tổ tiên ở chợ Chùa và Phú Thọ giao cho cháu Nguyễn Kiên.

III. Ở Thạch Trụ:

. Mộ cụ Xuân Đình Nguyễn Tiên Sinh (Nguyễn Văn Tâm) trước táng ở Gò Đu nay đã chuyển về Gò Thọ. Cụ bà là Hoàng Thị Trèo thì táng ở làng bên là Tú Sơn.

. Mộ cụ tổ Tuy hoà bá tước Nguyễn Công Tuy táng ở Gò Cây Gòn đã được cụ Cử dời sang khu vực rừng Thọ, mới tìm thấy đầu năm 1998 và được xây cất, tôn tạo đầu năm 1999.

. Mộ cụ tổ bà chính thất Hồ Thị Hai, táng ở vườn nhà ông Ninh Lộc, Thạch Trụ (mới tìm ra giữa năm 1987) vẫn nguyên như cũ, chưa tôn tạo.

. Ở khu vực Gò Thọ có mộ cụ Công Cương (con trai cụ Công Thế) và con cháu của cụ. Năm 2000 mới chuyển cụ Xuân Đình và 8 người chi cụ ở Gò Đu về.

. Mộ các cụ, ông bà, con cháu phái cụ Công Văn.

. Ở các xứ đồng khu vực Thạch trụ còn có mộ cụ Nguyễn Công Thái (con trưởng của cụ Công Tuy). Lăng mộ của cụ Nguyễn Công Tấn (con cụ Công Thái); cụ Nguyễn Công Thân; ông Nguyễn Công Kế (con trưởng cụ Công Thân) và nhiều mộ các cụ, ông bà dòng họ Nguyễn Công.

IV. Ở Ninh Hiệp.

Tại nghĩa trang Phù Ninh (khu vực lăng Đại Vương) mộ phần các cụ, ông bà, con cháu họ Nguyễn Công (phái cụ Công Tiếp và 1/2 phái cụ Công Thế) đã được quy tụ về Lăng, đã xây cất tôn tạo một khu vực gồm:

- . Hai cụ : Nguyễn Công Hoàn, Nguyễn Thị Thông.
- . Hai cụ: Nguyễn Công Kỷ, Nguyễn Thị Nghê.
- . Cụ Nguyễn Công Chúc và hai cụ bà Nguyễn Thị Uyển, Lê Thị Cầu.
- . Ông bà Nguyễn Công Kinh, Nguyễn Thị Cửu.
- . Ông Nguyễn Công Tuệ
- . Ông Nguyễn Công Khoáng.
- . Em Nguyễn Công Dũng (con trai ông Chí)

Và một khu vực phần mộ họ Nguyễn Công đã xây xung quanh, có bệ thờ và cát táng bà Nguyễn Thị Dân (vợ ông Nguyễn Công Chi).

Phần V

Về quan hệ họ hàng bên ngoài của các thế hệ của họ Nguyễn Công phái phía Bắc.

1. Với họ Thạch (anh Quyển viết)

Cụ tổ bà thứ thất Thạch Thị Nhâm ở Phù Ninh, nay là xã Ninh Hiệp, huyện Lâm, thành phố Hà Nội. Trước đây, cụ nội bà tôi (cụ Thông) với cụ Bá Đội (cụ Nghệ) và ông bà nội tôi vẫn theo giỗ tổ họ Thạch vào ngày 10 tháng âm lịch. Khi các cụ mất thì bà nội kế tôi (bà Cầu) cũng vẫn tiếp tục theo giỗ họ Thạch.

Sau khi các cụ qua đời, thấy tôi thì ở xa, các chú cũng không ai ở làng nên không còn ai theo giỗ.

Tôi nghỉ hưu, về quê có liên lạc với mấy ông bên họ Thạch nói về quan hệ của Nguyễn Công với họ Thạch. Mấy ông nói là không biết vì không có gia phả gốc.

2. Cụ bà Công Hoành: Nguyễn Thị Thông (Nguyễn Công Quyển viết)

Cụ Nguyễn Thị Thông là con gái họ Nguyễn Văn, chi thứ 3. Cụ là thứ hai. Cụ của cụ sinh ra ông Chắt là bố của các bác Lộc, Tư, Bình, Tình, Phú, Diệm. Cụ mất, ông cụ lấy cụ nhỏ sinh ra các ông bà Bái, Dị, Hương Chung, Chánh Thành, cùng ba Tích và bà Thuần (mẹ ông bà Tình).

Cụ bà em là cụ bà Phó Hậu (họ Nguyễn Đạo) có các con là bà Cả Nắp, Quyền, các ông Bảy, Tám...

Cụ ông em là cụ Phó Lợi, cụ bà lớn sinh ra bà Cọ, chồng là họ Lâm (Hiệp) có hai con là cô vợ ông Ngọc Hoạt (dâu cụ Lái Tuyết) và chú Tuyển. Cụ bà nhỏ sinh ra bà Quản Tấu, ông Vượng. Ông bà Quản Tấu có các con là chú Vũ Chung, Vũ Lợi và cô Sáu Lùn. Ông Vượng có hai con gái: 1 ở Sài Gòn, 1 ở Phù Ninh (đã mất).

Họ Nguyễn Văn của bà cụ Công Hoành, chi thứ nhất là các ông: Công Giảng, Tư, Năm Tục, Sáu Linh, các bà Cửu Suất, Thơ, Bảy (bà Thơ lại lấy ông Trọng sinh ra các ông Cận, Tín).

Chi thứ hai có các ông: Cai Minh, Hại Thịnh, Đồng Chí, Chánh Thuận và bà Liên.

Hàng năm tôi vẫn theo giỗ Tổ họ cụ nội bà ngày 2 tháng 3 năm âm lịch (giỗ tổ cụ ông) và 4 tháng 11 âm lịch (giỗ tổ cụ bà).

Các cụ tổ chi ba sinh ra cụ Thông. Cụ ông mất ngày 8 tháng 9 âm lịch và cụ bà mất ngày 8 tháng 5 âm lịch.

3. Bà Nguyễn Thị Uyển (Nguyễn Công Quyển viết)

Là con gái đầu của cụ Cử Hiệp Phù. Các em của bà là bà Ngan (còn một cô con gái ở Cụ Khối, Gia Lâm đã hơn 80 tuổi); ông Chánh Hồ sinh ra các chú : Đồng, Chư, Ngưu và cô Lan (Tuyên), bà Hồ (vợ ông Khắc Ước) sinh ra các cô chú: Ao, dầm, Cầu, Tùn. Cô Ao là vợ chú Tăng ở Hải Phòng, chú Cầu ở Hải Phòng, chú Dầm và cô Tùn ở Hiệp Phù và Phù Ninh. Cô Tùn là vợ chú Liên, con cụ Hiễn xóm 9. Bà Chánh Hồ sinh ra cô Phú, chú Hùng Cọt và một cô lấy chồng ở Bắc Giang.

Cụ Cử là chi thứ nhất.

Chi thứ hai có các con là các ông Ký Soạn, Ba Ngọc, Phó hội Chân.

+ Ông ký Soạn có các con là: các chú Mạnh, Hùng, Hào, Phú, Quý và hai cô Hằng, Bảy.

+ Ông Bà Ngọc có con là chú Hoàn (chết), chú Cát ở Thạch Bàn.

+ Ông Phó Hội Chân có các con là các chú : Trọng, Hậu, Cam, các cô Soạn, Quát, Na, Lê.

Chi thứ ba là cụ Ba Trự có các ông bà: Nùng, Ninh, Lưu, Ca , Cục. Các ông Nùng, Ninh, Lưu đã mất, còn các bà.

Bà Nùng có hai chú: Lạc-An và 3 cô.

Bà Lưu có hai chú Liên, Luyện (chết) và cô Mợ.

Bà Ninh có hai chú: Sê, Trường và các cô Sinh (con bà già), Thu (chết), Dậu, Mạo.

Tôi phải gửi giỗ hai cụ Cử:

Cụ ông ngày 5 tháng 6 âm lịch.

Cụ bà ngày 1 tháng 8 âm lịch.

Hiện nay em Nguyễn Mộng Quế là Chắt đích tôn của cụ Cử. Họ Nguyễn có hai ngày giỗ tổ ngày 29/3 và 26/8 âm lịch. Làm giỗ ở nhà Mộng Quế. Anh Quyển vẫn theo giỗ này.

4. Bà Lê Thị Cầu (Nguyễn Công Chi viết)

Bà Lê Thị Cầu là con gái cụ Tuần án tỉnh Sơn tây Lê Huy Phan, người làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên) với cụ bà Lý Thị Bắc quê ở xã Phù Ninh, Phú Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội).

Cụ Bắc chỉ sinh ra một mình bà Lê Thị Cầu. Cụ lấy cụ Phan từ lúc cụ Phan đến dạy học ở Phù Ninh. Khi cụ Phan đi làm quan thì lập bà phu nhân khác nên cụ Bắc ở lại Phù Ninh nuôi con mà không đi theo chồng.

Cụ Bắc là người kinh doanh giỏi nên thuộc loại giàu có ở trong làng. Khi ông Chúc lấy bà Lê Thị Cầu thì cả gia đình ở nhà cụ Bắc.

Khi còn, bà Cầu có đi lại Xuân Cầu và theo giỗ Tết ngành trưởng là ông Hàn Thuyên ở Hà Nội. Từ khi gia đình ông Hàn Thuyên đi vào Nam thì không có liên lạc nữa.

Riêng họ Lý của cụ Bắc ở Ninh Hiệp thì vẫn gửi giỗ tết và quan hệ họ hàng với các cánh thuộc anh chị em ruột của cụ Bắc là:

- Cụ Cửu Huệ (cánh bác Lê, Dân).
- Cụ Quế Hối (cánh ông Quế, Bình)
- Cụ Hương Sửu (bà Hiền, bà Cón, bà Thân)
- Cụ Phó tác (cánh ông Cả Nhơn, ông Đồng Hưng, ông Bảo Hưng)
- Cụ bà Phó Vượng (cánh ông Phó Diệt)

Ông Nguyễn Công Chí là người hưởng hưởng hoả của cụ Bắc. Ông Chí phải làm giỗ cụ Bắc, bà Cầu và tiếp tục theo giỗ Tết bên họ Lý.

5. Bà cô Nguyễn Thị Cúc: bà Trọng Thân (Nguyễn Công Quyển viết)

Là chị ruột của ông nội Công Chúc của thế hệ thấy tôi và các cô chú là anh em con cô, con cậu ruột.

Ở thế hệ tôi với các cháu ông bà Trọng Thân là cháu cô, cháu cậu. Đến thế hệ cháu là chất cô, chất cậu.

Bà Cúc (Trọng Thân) có 4 con: 3 trai.

• Ông Trọng Chất: sinh ra 3 trai: Trọng Trực (đã mất), Trọng Cường (nhà ở tỉnh Yên), Trọng Nghị (Tý) (đã mất)

+ Trọng Trực có 3 con trai: Trọng Chính (vợ là Thạch Thị Bé), Trọng Đính (vợ là Két), Trọng Đĩnh (vợ là Thanh).

+ Trọng Cường có 4 con trai: Trọng Cường, trọng Tiến (ở Tiên Kiên), Trọng Thành, Trọng Thuận và Thị Phú ở Thị xã Vĩnh Yên.

+ Trọng Nghị (Tý) có hai con trai: Trọng Hùng (vợ là Tính), Trọng Dũng ở Phù Ninh.

Ông Trọng Diên (Quý Duyên) sinh 10 con:

+ Trọng Niên có 10 con: Huyền (gái) chồng là Mai; Trọng Huyền (vợ là Bích); Trọng Hiên (chết); Trọng Hưng (vợ là Ngọ); Trọng Hạnh (vợ là Xuyến); Trọng Hà (vợ là Nam); Trọng Hòa; Thị Hồng (chồng là Thành ở Trùng Quán); Thị Hải (chồng là Tân); Thị Hoa (chồng là Đăng) ở Phù Ninh.

+ Thị Nguyệt: chồng là Ngọc Bả, có 10 con, 8 trai: Nghị, Thuận (ở Phù Ninh), Hiên ở Hà Nội, 5 trai ở Đông Anh; 2 gái: Đào (ở Sài Gòn), Thái ở Hà Nội.

+ Thị Nhất: chồng là Thỉnh, có 1 con gái, một con trai.

+ Trọng Tràn (Thời) có 9 con, 7 trai: Sinh, Thắng, Thế, Thông, Thuỷ, Tô, Toàn và hai gái: Tuyết, Na ở Hà Nội, 15 Hàng Lược.

+ Thị Lan (chồng là Mỹ, con bà Phó Cam) ở Hà Nội.

+ Thị Tám, chồng là Đường ở Phù Ninh (đã mất cả).

+ Thị Phúc (chồng là Diễn) ở Hà Nội.

+ Trọng Đức, vợ là Tam (con bà Ca) ở Phù Ninh.

+ Trọng Nội hy sinh ở Điện Biên Phủ.

Và một con trai mất sớm.

Ông Trọng Ba: (ở Yên Lạc, Vĩnh Phúc) sinh 5 con, 4 trai:

+ Trọng Yên (vợ cả Thị Cát có 2 con, 1 trai Trọng Sơn, 1 gái Thị Lâm (chồng là Thu ở Phù Ninh), vợ hai là Hồng có 7 con, 3 trai, 4 gái, có con gái út lấy chồng quê Phù Ninh là cháu Hoa).

+ Trọng Lạc (chết)

+ Trọng An (chết), vợ là Bé Quế có một con gái là Nguyên ở Phù Ninh.

+ Trọng Khang (vợ là Gia) có một con trai Trọng Khanh, 3 gái Nga, Nguyệt, Ngân ở Phù Ninh.

+ Con gái Thị Vinh lấy chồng ở Vinh Mỗ, Yên Lạc, đã chết.

- Bà Sáu Diên: có một con gái là chị Bé, vợ anh Lý Duy Đồng ở Phù Ninh. Bà sau tái giá lấy ông Xích ở xóm 5 (cả hai đã chết).

Bà Cúc mất, ông Trọng Thân lại lấy bà thứ sinh được hai trai: bác Trọng Cận có hai con trai: Trọng Cẩn, Trọng Mùi ở Phù Ninh và một gái; Bác Trọng Tín có các con là: 5 trai: Trọng Tiến, Trọng Sâm, Trọng Tuyền, Trọng Chiến, Trọng Nguyên và hai gái ở Phù Ninh, một cô lấy chồng ở Đại Từ, Thái Nguyên.

Họ Nguyễn Trọng phải gửi giỗ họ Nguyễn Công:

Cụ ông ngày 8 tháng 10 âm lịch.

Cụ bà ngày 3 tháng 2 âm lịch.

(Trước là bác Trọng Trực, nay là anh Trọng Chính).

6. Bên ngoại của tôi (Nguyễn Công Quyến viết)

Mẹ tôi là con gái đầu của ông ngoại tôi (ông khoá Trảng) dạy học chữ nho ở vùng huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Bà ngoại tôi là người làng Đông Du, Quế Dương, sinh được mẹ tôi và hai dì (sinh đôi). Một bà là Lùn, lấy ông Hoàng Đình Thuý Lý Trưởng Đào Viên có 2 con: 1 trai Hoàng Đình Thuật lấy vợ ở làng Găng, xã Đào Viên; một gái chồng là Huy cũng con cháu ở làng Đông, xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Một bà tên là Hết, lấy ông Đáp ở Phù Ninh có hai con trai: Giáp và vợ con ở nhà máy gỗ Cầu Đuống; Bình và vợ con ở Ninh Hiệp (ông bà Đáp, Hết đã mất).

Bà ngoại tôi bệnh mất lúc mẹ tôi và hai dì còn nhỏ, ông ngoại tôi lấy bà kế sinh được hai cậu: Trị và Ba (đang ở Lãng Găng, xã Đào Viên) và 3 dì: 1 bà là Tư, lấy ông Nguyễn Mạnh Ngộ ở phố Cầu Đất, Hải Phòng; một bà là Bảy, lấy chồng bên làng Núi; một bà là Tám, lấy chồng là ông Hoàng Đình Chiêu ở làng Găng, Đào Viên.

Ông ngoại mất ngày 20 tháng 2, bà già ngày 25 tháng 6 và bà trẻ ngày 12 tháng 7 âm lịch

Quan hệ về bên mẹ tôi ở Phù Ninh có:

- 3 dì: +Lý Nhàn ở Cảnh Thụy, Yên Dũng, Bắc Giang (đã mất) có một con trai là em Quỳ, cùng vợ con đang ở phố chợ Neo, Yên Dũng, Bắc Giang.

+ Ba Linh ở Ninh Hiệp có một con trai là Nguyễn Ngọc Sâm (vợ là Bé con ông Thọ) ở Phù Ninh; 1 gái là Thành (vợ Lý duy Mùi) ở Phù Ninh, một gái lấy chồng xa.

+ Hương Tư ở Ninh Hiệp có hai con trai là Ba và Tài, hai con gái ở Ninh Hiệp.

3 dì là con bà cô ruột của mẹ tôi (em ruột ông ngoại tôi là bà Bá Hy).

- Cụ Năm Cò là cô ông ngoại tôi có các ông bà: ông Năm các cậu Quế, Cam, (Hoạt Méo) và dì Gái Diệu (vợ Lý Duy Phẩm ở Thổ Tang) các bà con gái : cả (Phó Lân), Tư Bình, Lái Thức, Ba Bé ở Phù Ninh.

- Một bà là cô mẹ tôi gọi là bà Đĩa có hai dì: Em lớn lấy ông Đào (cháu ngoại cụ Chuông Công Kỷ); em nhỏ lấy ông Nguyễn trọng Bình (em học ông Trọng Thân) có 3 con trai là Đạt, lấy vợ là Bé (con gái ông Ngưu), Thảo, Lợi và mấy cô con gái.

7. Quan hệ bên vợ tôi (Nguyễn Công Quyến viết)

* Vợ tôi: Quản Thị Hoàng Đan, quê ở làng Xuân cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh cũ, nay là xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên là quê cụ Tuần án Phủ Lê Huy Phan sinh ra bà nội kế tôi Lê Thị Cầu.

* Bố vợ tôi: Ông Quản Văn Cò (Quản Xuân Lai) đã mất năm 1949 ở Thái Nguyên. Ông có chị gái là bà Dìn ở Câu Tử, xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; 6 em: một bà là vợ cả ông Nguyễn Xuân ổn ở Hải Phòng, một bà là vợ ông Tâm ở Xuân Cầu, 1 ông là Quản Xuân Cẩn có các con là Cẩn, Văn, Hữu, Bằng, Duyên, Thắm ở Câu Tử và Hà Cối, 1 ông là Quản Xuân Hoè có hai con trai là Hải và Long, 1 con gái Phòng ở Xuân Cầu, 1 ông là Bòn (đã hy sinh).

* Mẹ vợ tôi: Bà hoàng thị Phẩm ở Xuân Cầu (đã mất). Bà có 8 chị em : bà là em lớn nhất, các em là ông Trùm Tiết có con là Nghĩa, Hồng, Hạt, Hào ở Xuân cầu; ông Trâm có con là Chiên, Chiến, Chiện, Phương, Hương ở Xuân Cầu; ông Tý, bà Canh, bà Gái ở Xuân Cầu, ông Chúc (ở Vĩnh yên), ông Vĩ (ở Hải Phòng đã mất).

*** Chị em của vợ tôi:**

Bố mẹ vợ tôi có 4 con gái:

- Chị lớn là Quản Thị Đông (đã mất sớm).
- Chị thứ hai là Quản Thị Hoà, cùng chồng là Nguyễn Danh Chân, người làng Vĩnh Kỳ, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây, có 7 con, 4 trai: Bình ở Ninh Bình, Công ở Tân Hội, Nhân ở Lào Cai, Viên ở Cầu Diễn, Hà Nội, Hùng ở Tân Hội; 3 gái: Hà ở Mỏ Apatit Lào Cai, Hằng và Nga ở Tân Hội.
- Chị thứ ba: Quản Thị Nhụ, chồng là Nguyễn Văn ích ở Bãi Đình, Đường Lâm, Tân Yên, Bắc Giang, có 7 con: 4 trai: Quang, Dũng, Bích, Dân; 3 gái: Xuyên, Tuyên, Luyến tất cả đều ở Đường Lâm.

Bố vợ tôi mất ngày 13 tháng 2 âm lịch

Mẹ vợ tôi mất ngày 2 tháng 4 âm lịch.

Nguyễn Công Quyến viết.

Phần phụ

Về Liên lạc của dòng họ giữa Quảng Ngãi với Phù Ninh. (Nguyễn Công Quyến viết)

Trong bản gốc “Thạch Trụ Nguyễn Công Thị Gia Phở” do 3 cụ của 3 đời: Nguyễn Công Tấn, Nguyễn Công Thân, Nguyễn Công Hy viết đã viết đầy đủ lai lịch của dòng họ, duy có các cụ: Công Tiếp, Công Tự, Công Phổ thì có ghi “phái này lưu lạc ở miền Bắc” nhưng ở phần viết của cụ Nguyễn Công Hy (đời thứ 11) ở một đoạn cuối có ghi về cụ Công Hoàn, có nói đến cụ Công Vỹ theo cụ Công Thân vào kinh. Từ đời thứ 10 đến nay, dòng họ vẫn giữ được liên lạc và đi lại gặp nhau, cụ thể là:

Cụ Nguyễn Công Thân (đời thứ 10) ra Kinh lược Bắc Kỳ đã về Phù Ninh gặp cụ bà Nguyễn Thị Thông xin rước cụ và các em về quê nội, cụ bà không chịu mà chỉ có ông Nguyễn Công Vỹ theo ông anh Nguyễn Công Thân về Kinh và mất ở trong ấy khi chưa có gia đình, ngày giỗ 24 tháng 6 âm lịch.

Cuối thập kỷ 30 thế kỷ 20, ông Công Lương ra Hà Nội học ở Đông Dương học xá thường về Phù Ninh gặp bà con, họ hàng ở Bắc.

Ông Nguyễn Công Hy khi làm tổng đốc Thanh Hóa đã về Phù Ninh.

Ông Nguyễn Công Anh cũng đã mấy lần ra Bắc về Phù Ninh và bác Nguyễn Biên đã ra học ở trường Văn Lang Hà Nội đầu thập kỷ 40.

Đầu thập kỷ 40, thầy tôi (Nguyễn Công Tuệ) đã về quê nội một lần và 1 lần vào Huế với ông Nguyễn Công Hy 1 tháng khi ông Hy đang làm Chánh án Tòa Thượng Thẩm Huế.

Tết âm lịch năm 1943 tôi đã được theo bác Nguyễn Biên về Quảng Ngãi.

Như vậy là dòng họ ta vẫn duy trì được liên lạc giữa Nam và Bắc từ xa xưa đến trước cách mạng tháng Tám năm 1945 và đã tạm thời mất liên lạc từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến 1955.

Đầu năm 1955, tôi ở Việt Bắc về Hà Nội công tác ở Tổng Công Ty Lâm Thổ Sản TW cùng làm việc với một bộ phận có cán bộ miền Nam tập kết, tôi tìm người quê Quảng Ngãi và gặp được anh Tô Tạc người làng Tứ Sơn (bà con của chị Ba Diên) rồi từ anh Tô Tạc tôi đã tìm gặp được anh Nguyễn Thiệu, bác Nguyễn Hoàng, Nguyễn Soạn, anh Phong (con cô Vây, cháu ngoại ông Công Văn), anh Nguyễn Tôn (con bác Ba Si, đích tôn của ông Nguyễn Công Anh).

Và như vậy, dòng họ ta lại tiếp tục có liên lạc với nhau ở bắc và được biết tin tức là con họ hàng ở quê nội Quảng Ngãi.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, đất nước thống nhất, tôi có được địa chỉ của bác Nguyễn Biên ở Quảng Ngãi và bác 13 (Hoà thượng Thích Trí Hưng) ở chùa Thiên Lâm, Quận 6, Sài Gòn, tiếp tục thư từ liên lạc.

Tháng 5 năm 1977, hai vợ chồng tôi nghỉ phép đi Miền Nam về Thạch trụ rồi vào Sài Gòn đến chùa Thiên Lâm đúng ngày 19 tháng 4 âm lịch ngày Kỳ Cự Tiên Công Nguyễn Công Tấn, được gặp khá đầy đủ cô bác, anh em, con cháu học Nguyễn Công ở Sài Gòn về hầu Kỳ ở chùa và gặp anh chị Công Lương.

Cũng lại tháng 5 năm 1981, tôi nghỉ phép đi miền Nam, về quê nội Thạch trụ rồi vào Sài Gòn và cũng đến chùa Thiên Lâm đúng ngày Kỳ cự Tiên Công 19/4 âm lịch. Cả hai lần tôi đều ở chùa với bác 13 trong thời gian ở Sài Gòn.

Tháng 6 năm 1987, tôi đưa vợ, con, cháu Công Minh vào Lâm Đồng rồi vào Sài Gòn ở với anh chị Công Lương ở 1 Bis Nguyễn Thành ý (bác 13 đã viên tịch) và cùng anh Lương với cháu Phan về quê Quảng Ngãi thăm viếng mộ mả tổ tiên, ông bà ở 3 nơi: Thạch Trụ, chợ Chùa, Phú Thọ, tìm mộ các cụ.

Tháng 6/1992 tôi lại đi Lâm Đồng thăm vợ chồng Công Minh và các cháu rồi về Sài Gòn (anh chị Công Lương đã qua USA) ra Thạch trụ rồi về Bắc.

Tháng 3 năm 1998, tôi đã đưa cô Tá về thăm quê nội, đi 3 nơi thăm viếng mộ mả các cụ ông bà và lần này tìm được mộ cụ tổ Công Tuy ở An Định.

Từ sau 1975, ông bà Công Lương đã ra Bắc. Lần thứ nhất về Phù Ninh đúng ngày giỗ đầu cô hai Tuấn, lần nào ra ông bà cũng về Phù Ninh, có một lần cháu Khánh Phan (út của ông bà Lương) đã về Phù Ninh.

Cuối năm 1999, ông bà Lương ở USA về thăm quê hương, họ hàng, về Thạch Trụ và ra Hà Nội. Ngày 13/12/1999, ông bà Lương và cháu Đường Bông (Trân Châu, con gái thứ hai) về Phù Ninh.

Ở Quảng Ngãi có bác Biên đã ra Bắc về Phù Ninh (1997), cháu Thái Học, con anh Hồng về mấy lần khi làm ăn ở Nam Định; cháu Tịnh con anh Thanh ra Hà Nội làm việc đã về Phù Ninh hai lần.

Các anh Hạ, Hồng, A Trọng đã ra Bắc về Phù Ninh năm 1998.

Anh Huỳnh Cường ra hai lần 1998, 1999 và đã về Phù Ninh.

Anh Hồ Thánh Điền, con cô Sáu Hoài ở Cam Ranh hè 2000 ra Hà Nội có tranh thủ về Phù Ninh. Chị Tuệ (Thanh) ở Dallas, Texas về Việt Nam làm việc cũng

lên thoại mời tôi và cháu Cường ra gặp ở Hotel Metropole Hà Nội và cũng hôm ấy hai vợ chồng cháu Hoa+ Minh (con anh Phùng) ra Hà Nội làm việc đến gặp ở Metropole cùng chị Tuệ.

Ông chú Công Chí cũng đã về Thạch Trụ 1 lần năm 1999, ông Chi tôi đã được về quê Thạch trụ một lần năm 1987.

Cháu Biên Giới đã vào Sài Gòn học máy bác Thanh (1989) được một lần đến thăm Kỵ ông Cần ở nhà bác Công Lương.

Bác Nguyễn Khôi (12) con ông Nguyễn Anh ở Texas về nước cuối năm 2000 có phen ra cho tôi ra Hà Nội gặp bác Khôi ở một khách sạn tư nhân ở phố Thuốc Bắc, tôi có đưa bác Khôi đến thăm ông bà Chí ở 23 Hà Trung. Bác Khôi chỉ ở Hà Nội đến sáng hôm sau đi Hạ Long rồi vào thẳng Sài Gòn, hẹn đến hè 2001 đưa các con về mà không thấy về.

Đầu tháng 4/2002 anh Hồ Văn Quế, cháu ngoại họ Nguyễn Công, cháu đích tôn của bà Năm Phương về xã Ninh Hiệp tìm gặp tôi, nói về phái thứ 2 (cụ Công Đề), về ông Xuyên ở Đà Nẵng. Ngày 1/5/2002 ông Xuyên ra Hà Nội về Phù Ninh cùng với vợ chồng anh Nguyễn Văn Hùng (con trai thứ hai của ông Xuyên) và anh Quế với con trai (cháu Hiếu) nhận nguồn gốc họ hàng.

Tôi có ra Hà Nội, đến nhà anh chị Hùng và đưa bác Xuyên đến thăm chú thím Chi.

Cuối tháng 6/2002 tôi vào Đà Nẵng rồi đưa bác Xuyên đi các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tìm gặp bà con, anh em họ hàng nội tộc ở Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Lắk... đi tìm tung tích chi ông Công Tích ở Quy Nhơn, Nha Trang nhưng không thấy. Sau khi đi các nơi, bác Xuyên và tôi trở lại Quảng Ngãi đi Chợ Chùa, Phú Thọ hầu viếng mộ thủy tổ và các cụ ông bà dòng họ ở Phú Thọ, gặp con cháu ở thị xã Quảng Ngãi.

Tháng 9/2002 bác Nguyễn Khôi và vợ chồng anh chị Bình Thụy với một cháu ở USA về, ra Hà Nội cùng với các anh chị Cúc, Bửu, Băng, Bông (con bác Biên) có về gặp bà con họ hàng ở Ninh Hiệp.

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ TÌNH HOA DÒNG HỌ NGUYỄN CÔNG

(Nguyễn Công Chi viết)

Đọc tập gia phả dòng họ Nguyễn Công, tôi đã phát hiện thấy một số điểm có tình hoa của dòng họ như sau:

1. Họ có nhiều người làm quan ở nhiều thế hệ. Có những người nổi tiếng một thời mà đời sau đã viết thành chuyện sách như sau:

- Cụ Nguyễn Công Tấn nổi tiếng trong việc tiêu phi. Cụ đã chinh phục được người Thương ở vùng cao nổi loạn, và đã được Nguyễn Đức Cung viết trong quyển sử vùng cao qua Vũ Man Tạp Lục Thủ.

- Cụ Nguyễn Công Thân làm quan đến nhất phẩm triều đình, phụ trách Điện Chấn Chấn của triều Nguyễn, được viết trong quyển Diên Lộc Quận Công của Nguyễn Đức Cung.

- Cụ Nguyễn Công Kế, Binh bộ thượng thư triều Nguyễn.

- Cụ Nguyễn Công Hy, Thượng thư, Chánh Án Tòa Thượng Thẩm ở Huế.

Và nhiều người làm quan phủ, huyện. Có người không làm quan thì làm thư lại, dạy học, làm thuốc, làm khoa học kỹ thuật...

Nói chung, nghề nghiệp của họ đều cần đến tri thức cho nên có thể nói họ đã lập nghiệp bằng đường học vấn.

2. Họ toả ra khắp nơi trong nước và ngoài nước để làm ăn. Chỗ nào làm ăn được thì định cư với ý thức "đất lành chim đậu". Chúng tôi họ là những người cực kỳ năng động chứ không phải cứ bám lấy quê hương ruộng đồng.

3. Tuy ở xa nhau nhưng vẫn có liên hệ với nhau, giữ mối quan hệ họ hàng. Có ngày giỗ tổ để tụ hội nhau ở từng khu vực. Đây là công lao to lớn của ngành trưởng họ luôn tìm cách chắp nối các chi họ với nhau, viết thành gia phả, giữ gìn sinh hoạt tổ chức của dòng họ, bảo trì phần mộ của họ hàng. Các thế hệ của ngành trưởng từ cụ Thái, cụ Tấn, cụ Thân, cụ Hy đến ông Lương, đều là những người có công rất lớn trong việc duy trì dòng họ.

4. Trong quan hệ họ hàng không bao giờ có sự ngăn cách bởi giàu nghèo, sang hèn. Luôn giữ vững trật tự của các thế hệ trong dòng họ. Đối xử với nhau như người

ng một gia đình đúng với tinh thần “một giọt máu đào hơn ao nước lã”. Ngành
không có nhiều người làm quan to có thế lực nhưng luôn nêu gương, giữ lễ trong
an hệ họ hàng.

5. Một phần còn lưu giữ được nhiều thế hệ ở quê hương và vẫn thường xuyên
người thăm nom chu đáo. Mồ mả cũng là điểm hội tụ để con cháu về thăm quê
tông.

6. Họ có nhiều người có nét giống nhau ở khoé mắt, viền mắt có nhiều nếp
hắn có tua ra đuôi mắt. Cũng nhiều người có năng khiếu trong việc viết văn hành
chính, đúng là dòng dõi thư lại.

Tôi mạo muội viết ra đây để mọi người trong họ cùng tham khảo.

Cháu đời thứ 5 của cụ Nguyễn công Tuy
Nguyễn Công Chi kính bút.